

Số: 1315/QĐ-ĐHQN

Bình Định, ngày 07 tháng 08 năm 2017

## THÔNG BÁO

### Về việc điều chỉnh Đề cương học phần trong Chương trình đào tạo

Căn cứ Tờ trình đề nghị điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết một số học phần trong chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành thuộc các Khoa;

Sau khi xem xét, Nhà trường thống nhất việc điều chỉnh, bổ sung đề cương chi tiết một số học phần trong chương trình đào tạo (*danh sách kèm theo*) về những vấn đề liên quan đến:

- Mục tiêu, yêu cầu của học phần nhằm hướng tới người học, xác định đúng mức độ kiến thức, kỹ năng và thái độ cần đạt được.

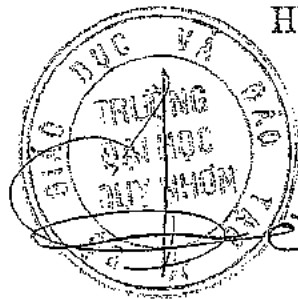
- Nội dung phù hợp với thực tế và sự tiến bộ khoa học, công nghệ, phân bố nội dung lý thuyết, thực hành, bài tập, thảo luận, tự học, kiểm tra đánh giá, tư vấn cho người học; mục tiêu cần đạt được ở các mức độ khác nhau theo từng nội dung.

- Cập nhật giáo trình, tài liệu tham khảo mới.

Các khoa và các đơn vị liên quan điều chỉnh kế hoạch, nội dung giảng dạy theo thông báo này.

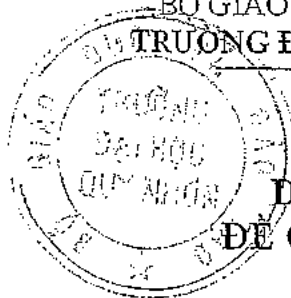
Nơi nhận: *4*

- Các khoa;
- Các đơn vị liên quan;
- Lưu: VT, ĐTDH.



HIỆU TRƯỞNG

PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ



**DANH SÁCH CÁC HỌC PHẦN ĐIỀU CHỈNH, BỔ SUNG  
ĐỂ CƯƠNG CHI TIẾT THUỘC CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO  
NGÀNH CÔNG TÁC XÃ HỘI**

(Kèm theo Thông báo số 1315/TB-ĐHQN ngày 07 tháng 8 năm 2017)

STT	Mã số	Tên học phần	Số tín chỉ	Ghi chú
1	1100010	Công tác xã hội với nhóm	3	Điều chỉnh tài liệu tham khảo
2	1100235	Xã hội học dư luận và truyền thông đại chúng	2	Điều chỉnh nội dung giảng dạy và tài liệu tham khảo
3	1100222	Lý thuyết công tác xã hộ	3	Điều chỉnh tài liệu tham khảo
4	1100183	An sinh xã hội	3	Điều chỉnh nội dung giảng dạy
5	1100237	Công tác xã hội với người có hành vi lệch chuẩn	2	Điều chỉnh nội dung giảng dạy và tài liệu tham khảo

Danh sách gồm có 05 học phần./.

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN

Số: 2881/TB-ĐHQN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bình Định, ngày 29 tháng 12 năm 2017

### THÔNG BÁO

Về việc rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo  
một số ngành trình độ đại học hệ chính quy

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Khung trình độ Quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Công văn số 2196/BGDĐT-GDĐH ngày 22/4/2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn xây dựng và công bố chuẩn đầu ra ngành đào tạo;

Căn cứ Công văn số 2435/BGDĐT-GDĐH ngày 12/4/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc rà soát chuẩn đầu ra các ngành đào tạo và biên soạn giáo trình;

Căn cứ Thông tư số 07/2015/TT-BGDĐT ngày 16/4/2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về khối lượng kiến thức tối thiểu, yêu cầu về năng lực mà người học đạt được sau khi tốt nghiệp đối với mỗi trình độ đào tạo của giáo dục đại học và quy trình xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Kế hoạch số 1860/KH-ĐHQN ngày 06/11/2017 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn về việc rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành trình độ đại học hệ chính quy;

Căn cứ Tờ trình của các khoa chuyên môn trực thuộc Trường về việc rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học hệ chính quy đang đào tạo tại Trường.

Trường Đại học Quy Nhơn thông báo kết luận về việc rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo các ngành trình độ đại học hệ chính quy đang đào tạo tại Trường như sau:

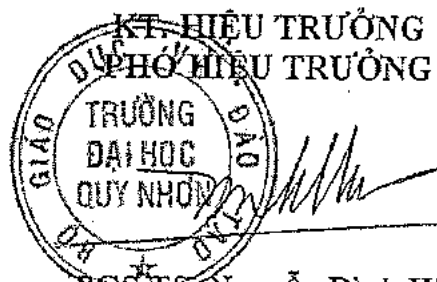
- Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo của các ngành trình độ đại học hệ chính quy đang đào tạo tại Trường được thực hiện đúng như trong Quyết định số 5923/QĐ-ĐHQN ngày 17/11/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Quy Nhơn;

- Các khoa chuyên môn tiếp tục thực hiện việc khảo sát ý kiến của các bên liên quan để rà soát, điều chỉnh chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo trình độ đại học các ngành do khoa quản lý trong những năm tiếp theo.

Đề nghị các đơn vị liên quan trong Nhà trường triển khai và thực hiện nghiêm túc các nội dung trên./.

Nơi nhận *th*

- Hiệu trưởng (để b/c);
- Các đơn vị liên quan (để l/h);
- Lưu: VT, KT&ĐBCL.



PGS.TS. Nguyễn Đình Hiền

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**Học phần: GIÁO DỤC HỌC ĐẠI CƯƠNG**  
**Mã học phần: 1100267**  
**Tên tiếng Anh: General Pedagogics**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Giáo dục học đại cương
- Mã học phần : 1100267 Số tín chỉ: 3
- Loại học phần : Bất buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có) : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 30 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp : 10 tiết
  - + Thảo luận : 10 tiết
  - + Tự học : 85 giờ
- Khoa/Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý - Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mô tả học phần**

Giáo dục học đại cương là học phần trang bị cho sinh viên những vấn đề cơ bản nhất về giáo dục, bao gồm những nội dung sau:

- Những vấn đề chung về khoa học giáo dục học: đối tượng, nhiệm vụ, phương pháp, hệ thống các ngành KHGD
- Quá trình giáo dục tổng thể: sự phát triển nhân cách, vai trò của giáo dục đối với sự phát triển nhân cách, các con đường giáo dục.
- Nền giáo dục Việt Nam: Mục đích giáo dục, nguyên lý giáo dục, các nhiệm vụ giáo dục trong nhà trường, hệ thống giáo dục quốc dân.
- Đặc điểm của lao động sư phạm và yêu cầu đối với nhà giáo dục.

**3. Mục tiêu của học phần**

*Về kiến thức:* Học phần giúp sinh viên tìm hiểu về khoa học giáo dục, quá trình giáo dục tổng thể, các vấn đề chung về giáo dục Việt Nam, đặc điểm của hoạt động giáo dục ở các môi trường khác nhau và yêu cầu đối với người làm công tác này.

*Về kỹ năng:* Sinh viên bước đầu làm quen với hệ thống kỹ năng nghiệp vụ trong công tác giáo dục, rèn luyện kỹ năng sử dụng ngôn ngữ, trình bày vấn đề, kỹ năng tự học, xây dựng kế hoạch rèn luyện để đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp.

*Về mức tự chủ và chịu trách nhiệm:* Bản thân chủ động và có trách nhiệm trong bồi dưỡng và thực hành chuyên môn và nghiệp vụ của người làm công tác xã hội.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:		Mức độ CDR
CDR 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Hiểu và giải thích được giáo dục là một hiện tượng xã hội đặc biệt của loài người.</li> <li>- Hiểu được những vấn đề cơ bản của giáo dục học, phân biệt được giáo dục học với các khoa học khác.</li> <li>- Hiểu được các vấn đề khái quát về nền giáo dục Việt Nam hiện nay.</li> </ul>	3
CDR 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nắm vững được các vấn đề liên quan đến nhân cách và giáo dục nhân cách con người;</li> <li>- Nhận thấy sự ảnh hưởng của một số yếu tố cơ bản đến sự hình thành và phát triển nhân cách của mỗi người;</li> </ul>	4
CDR 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận ra vai trò quan trọng của nhà giáo dục và đặc thù của công tác giáo dục ở gia đình, nhà trường và xã hội để từ đó rèn luyện tác phong, thái độ và đạo đức nghề nghiệp tương ứng.</li> <li>- Nghiêm túc và trách nhiệm trong tự giáo dục nhân cách của mình nhằm đáp ứng yêu cầu của nghề nghiệp.</li> <li>- Công bằng trong tác động giáo dục đến mọi đối tượng</li> </ul>	4
CDR 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng chuẩn bị và trình bày các vấn đề về thực tiễn giáo dục một cách rõ ràng, chặt chẽ và khoa học.</li> <li>- Có khả năng tìm kiếm tài liệu, phân tích và xử lý các nguồn tài liệu hiệu quả.</li> </ul>	4
CDR 5	Xác định được các yếu tố ảnh hưởng và những định hướng giáo dục cơ bản để lập kế hoạch giáo dục cho cá nhân và các nhóm đối tượng đặc thù của ngành công tác xã hội.	4

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm Viết Vượng, Giáo dục học, NXB ĐHQGHN, Hà Nội, 2005.</li> <li>2. Thái Duy Tuyên, Những vấn đề chung của giáo dục học, NXB ĐHSP</li> </ol>
Tài liệu tham khảo thêm:	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trần Thị Tuyết Oanh (chủ biên), Giáo trình Giáo dục học, tập 1, NXB ĐHSP, 2006.</li> </ol>

	2. Nguyễn Sinh Huy- Nguyễn Văn Lê, Giáo dục học đại cương, tập 1, NXBGD, 1997.
Các loại học liệu khác:	

### 6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học (3t/buổi)	Nội dung
1, 2, 3 (9 tiết)	<p><b>Chương I Giáo dục học là một khoa học</b></p> <p>I. Hiện tượng giáo dục</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Hiện tượng giáo dục: nguồn gốc và bản chất của giáo dục,</li> <li>Tính chất của giáo dục</li> <li>Chức năng xã hội của giáo dục</li> <li>Con đường giáo dục</li> <li>Mối quan hệ giữa giáo dục với các quá trình xã hội khác</li> </ol> <p>II. Giáo dục học là một khoa học</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Đối tượng nghiên cứu của giáo dục học</li> <li>Mục đích, nhiệm vụ nghiên cứu của giáo dục học</li> <li>Phương pháp nghiên cứu giáo dục học</li> <li>Các phạm trù nghiên cứu của giáo dục học</li> </ol>
4, 5, 6 (9 tiết)	<p><b>Chương II Giáo dục và sự phát triển nhân cách</b></p> <p>I. Một số khái niệm cơ bản</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khái niệm con người</li> <li>Khái niệm cá nhân</li> <li>Khái niệm nhân cách</li> <li>Khái niệm sự phát triển nhân cách</li> </ol> <p>II. Các yếu tố ảnh hưởng đến sự hình thành và phát triển nhân cách:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Yếu tố sinh học</li> <li>Yếu tố môi trường</li> <li>Yếu tố giáo dục</li> <li>Yếu tố hoạt động cá nhân</li> </ol> <p>III. Giáo dục đào tạo con người Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa</p>
7, 8, 9, 10 (12 tiết)	<p><b>Chương III Mục đích và nguyên lý giáo dục Việt Nam</b></p> <p>I. Khái quát về mục đích giáo dục</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>Khái niệm mục đích giáo dục, mục tiêu giáo dục</li> </ol>

	<p>2. Cơ sở xây dựng mục đích giáo dục</p> <p>3. Vai trò của mục đích giáo dục</p> <p>II. Mục đích giáo dục Việt Nam trong thời kì công nghiệp hóa – hiện đại hóa</p> <p>1. Mục đích giáo dục Việt Nam</p> <p>2. Các cấp độ mục đích giáo dục</p> <p>III. Nhiệm vụ giáo dục</p> <p>1. Giáo dục trí tuệ</p> <p>2. Giáo dục đạo đức</p> <p>3. Giáo dục thẩm mỹ</p> <p>4. Giáo dục lao động</p> <p>5. Giáo dục thể chất</p> <p>IV. Nguyên lý giáo dục</p> <p>1. Học đi đôi với hành</p> <p>2. Giáo dục kết hợp với lao động sản xuất</p> <p>3. Lý luận gắn liền với thực tiễn</p> <p>4. Giáo dục nhà trường kết hợp với giáo dục gia đình và giáo dục xã hội.</p>
11, 12 (6 tiết)	<p><b>Chương IV. Hệ thống giáo dục Việt Nam</b></p> <p>I. Khái quát về hệ thống giáo dục quốc dân</p> <p>1. Khái niệm</p> <p>2. Đặc điểm của hệ thống giáo dục Việt Nam</p> <p>3. Nguyên tắc xây dựng hệ thống giáo dục Việt Nam</p> <p>II. Hệ thống giáo dục quốc dân Việt Nam hiện nay.</p>
13, 14, 15 (9 tiết)	<p><b>Chương V Lao động sư phạm và nhà giáo dục</b></p> <p>I. Lao động sư phạm</p> <p>1. Mục đích của lao động sư phạm</p> <p>2. Đối tượng của lao động sư phạm</p> <p>3. Công cụ của lao động sư phạm</p> <p>4. Môi trường của lao động sư phạm</p> <p>II. Nhà giáo dục</p> <p>1. Nhiệm vụ và quyền hạn của nhà giáo dục</p> <p>2. Yêu cầu đối với nhà giáo dục</p>

**7. Phương pháp đánh giá**

Hình thức	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
-----------	----------	----------	-----------	----------

Chuyên cần	45	- Tham gia đầy đủ các buổi học. - Tích cực, chủ động trong mọi hoạt động học tập.	Theo từng buổi học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân/nhóm. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Nội dung bài đúng yêu cầu của đề + Không sao chép dưới mọi hình thức + Trình bày rõ ràng + Nộp bài đúng thời gian quy định + Liên hệ thực tiễn, sáng tạo	Giữa học kỳ	
Thi cuối kỳ	1	- Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Cuối học kỳ - Theo kế hoạch của trường	70%

## 8. Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Thị Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: [vothuy24@gmail.com](mailto:vothuy24@gmail.com) Điện thoại liên hệ: 0978903365

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: [ngodungdhqn@gmail.com](mailto:ngodungdhqn@gmail.com). Điện thoại liên hệ: 0976.020.870

### 8.3. Giảng viên 3

- Họ và tên: Võ Nguyên Du
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư – Tiến sĩ
- Email: [nguyenduvo@gmail.com](mailto:nguyenduvo@gmail.com). Điện thoại liên hệ: 0914123917

### 8.4. Giảng viên 4



- Họ và tên: Dương Bạch Dương
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: [bachduong291005@gmail.com](mailto:bachduong291005@gmail.com). Điện thoại liên hệ: 0914087560

### 9. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học ...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ phía giáo viên ...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học ...
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài ...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập

Bình Định, ngày 30 tháng 07 năm 2017

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



**ThS. Võ Thị Thủy**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



**ThS. Võ Thị Thủy**

**TRƯỞNG KHOA**



**TS. Đinh Anh Tuấn**

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: XÃ HỘI HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**Mã học phần: 1100140**

Tên tiếng Anh: **Introduction of Sociology**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Xã hội học đại cương
- Mã học phần: 1100140      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa TLGD & CTXH

**2. Mô tả học phần:**

Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết như khái niệm Xã hội học, Đối tượng, chức năng, lịch sử ra đời của xã hội học, một số các khái niệm cơ bản của xã hội học khái niệm cơ cấu xã hội, các khái niệm có liên quan, các phân hệ cơ bản của cơ cấu xã hội, Xã hội học đô thị; Một số phương pháp điều tra xã hội học... Thông qua học phần này, người học

có được một cách nhìn thấu đáo về các vấn đề của xã hội. Qua đó, người học được nâng cao kiến thức vừa có các kỹ năng điều tra xã hội học, hiểu được các thức giải quyết các vấn đề xã hội

### 3. Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Sinh viên có cái nhìn tổng quan về kiến thức của môn xã hội học
- Kỹ năng: Có kỹ năng lập luận và giải quyết vấn đề; khả năng thử nghiệm, tiến hành các nghiên cứu, phân tích và giải thích dữ liệu; khả năng tư duy hệ thống.; kỹ năng giao tiếp hiệu quả và khả năng làm việc nhóm; kỹ năng thiết kế các hoạt động công tác xã hội.
- Mức tự chủ và trách nhiệm:

Hình thành năng lực lập bảng khảo sát, biết tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

	Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:	Mức độ CĐR
CĐR 1	- Định nghĩa được các khái niệm xã hội học, vị thế, vai trò xã hội, cơ cấu xã hội - Mô tả được lịch sử phát triển của xã hội học - Giải thích được các lĩnh vực của xã hội học như tôn giáo, xã hội, truyền thông đại chúng,... - Diễn giải được các phương pháp nghiên cứu của xã hội học và áp dụng vào một nghiên cứu, khảo sát xã hội học cụ thể	3
CĐR 2	- Thành thực trong nhận dạng và xác định các vấn đề cụ thể trong xã hội học - Thành thạo trong xây dựng phương án và lựa chọn các giải pháp để giải quyết các vấn đề cụ thể trong xã hội học	3
C <sup>□</sup> R 3	Nhận thức đầy đủ mối liên hệ giữa xã hội học với sự các khoa học liên ngành	3
CĐR 4	Chủ động trong nhận thức, kĩ năng tư duy phản biện	3
CĐR 5	Tích cực thể hiện ý thức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp.	2
C <sup>□</sup> R 6	Chủ động hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác	3

	<p>- Thành thạo trong sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp; khả năng viết văn bản mạch lạc, trôi chảy, đúng chính tả; khả năng làm việc với nhiều loại văn bản khác nhau</p> <p>- Thành thạo trong TRA CỨU THỤNG TIN, TÀI LIỆU TRÒN MÔNG - Thành thạo TRA CỨU THỤNG TIN, TÀI LIỆU TRÒN MÔNG LIỀN QUAN ĐẾN TÀI CHÍNH VÀO</p>	3
--	---	---

**5. Tài liệu phục vụ môn học**

Giáo trình chính:	[1]. Trần Thị Kim Xuyên, Nguyễn Thị Hồng Xoan, <i>Nhập môn xã hội học</i> . Nhà xuất bản Thống kê, 2002
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. Nguyễn Đình Khoa, <i>Xã hội học đại cương</i> , Tài liệu học tập, Trường Đại học Quy Nhơn, 2019.
Các loại học liệu khác:	

**6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

Tuần học	Nội dung
Buổi 1  (3 tiết)	<b>BÀI 1: BÀI MỞ ĐẦU</b>  1. Khái niệm xã hội học:  1.1. Xã hội học là gì?  1.2. Đối tượng nghiên cứu của xã hội học  1.3. Mối quan hệ của xã hội học với các khoa học khác  2. Cơ cấu, chức năng và nhiệm vụ của xã hội học  2.1. Cơ cấu của xã hội học  2.2. Chức năng của XHH  Thảo luận 2 tiết

	<p>1. Định nghĩa:</p> <p>2. Các đặc trưng của đô thị</p> <p><i>II. Lối sống đô thị</i></p> <p><i>1. Định nghĩa</i></p> <p>2. Các đặc điểm của lối sống đô thị</p> <p>Bài tập (2 tiết)</p>
<p>Buổi 7 (3 tiết)</p>	<p>Bài 6: XÃ HỘI HỌC KINH TẾ VÀ LAO ĐỘNG</p> <p>I. Lao động và phương pháp tiếp cận xã hội học kinh tế</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thành phần cấu trúc của lao động</li> <li>2. Phân loại lao động</li> </ol> <p>II. Lao động và xã hội hóa cá nhân</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xã hội hóa và giai đoạn trước lao động</li> <li>2. Xã hội hóa và giai đoạn lao động</li> <li>3. Xã hội hóa và giai đoạn sau lao động</li> </ol> <p>III. Cơ cấu xã hội- nghề nghiệp và thị trường lao động</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cơ cấu xã hội nghề nghiệp</li> <li>2. Thị trường lao động</li> </ol> <p>Bài tập (2 tiết)</p>
<p>Buổi 8 (2 tiết)</p>	<p>Bài 6: XÃ HỘI HỌC KINH TẾ VÀ LAO ĐỘNG</p> <p>IV. Lao động và phương pháp tiếp cận xã hội học kinh tế</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Thành phần cấu trúc của lao động</li> <li>4. Phân loại lao động</li> </ol> <p>V. Lao động và xã hội hóa cá nhân</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>4. Xã hội hóa và giai đoạn trước lao động</li> <li>5. Xã hội hóa và giai đoạn lao động</li> <li>6. Xã hội hóa và giai đoạn sau lao động</li> </ol> <p>VI. Cơ cấu xã hội- nghề nghiệp và thị trường lao động</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>3. Cơ cấu xã hội nghề nghiệp</li> <li>4. Thị trường lao động</li> </ol> <p>Bài tập (2 tiết)</p>

Buổi 9 (3 tiết)	<b>Bài 7: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC</b>  I. Các giai đoạn của cuộc điều tra xã hội học  1. Giai đoạn chuẩn bị  2. Giai đoạn thực hiện  3. Giai đoạn xử lý, phân tích thông tin và báo cáo kết quả  II. Bảng hỏi trong xã hội học  Bài tập (2 tiết)
Buổi 10 (2 tiết)	<b>Bài 6: MỘT SỐ PHƯƠNG PHÁP ĐIỀU TRA XÃ HỘI HỌC</b>  III. Các phương pháp lấy thông tin trong xã hội học:  1. Phương pháp quan sát  2. Phương pháp trưng cầu ý kiến  3. Phương pháp phỏng vấn  Bài tập (2 tiết)

### 7. Phương pháp đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá sử dụng)

Hình thức đánh giá	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
<i>Chuyên cần</i>	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thực hiện nghiêm túc nội quy lớp học; có ý thức tham gia xây dựng bài.</li> <li>- Chủ động, tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học.</li> <li>- Chuẩn bị nội dung, thảo luận, bài tập theo sự phân công.</li> <li>- Tích cực tham gia đầy đủ các buổi thảo luận.</li> </ul> Tham gia học từ 80% số tiết trở lên	Toàn bộ thời gian	10%
Đánh giá quá trình				20%

Kiểm tra giữa kỳ	1	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	Từ buổi 6 đến buổi 9	
Thi cuối kỳ		Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của trường	70%

## 8. Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: [dinhanhtuan@qnu.edu.com](mailto:dinhanhtuan@qnu.edu.com)
- Điện thoại liên hệ: 0914046673

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đình Khoa
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: [nguyendinhkhoa@qnu.edu.vn](mailto:nguyendinhkhoa@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0946925029

## 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện. -Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện -Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về	- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người

<p>hành vi trong lớp học</p>	<p>dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> <li>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</li> </ul>
<p>Quy định về học vụ</p>	<p>Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn</p>
<p>Các quy định khác</p>	

Bình Định, ngày 1 tháng 8 năm 2017

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



TS. Đinh Anh Tuấn

TRƯỜNG BỘ MÔN



Th.S. Phan Thị Kim Dung

TRƯỜNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: TÂM LÝ HỌC ĐẠI CƯƠNG**

**Mã học phần: 1100020**

**Tên tiếng Anh: General Psychology**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Tâm lý học đại cương
- Mã học phần: 1100020                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Điều kiện tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa phụ trách: Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mô tả học phần**

Học phần Tâm lý học đại cương trang bị cho sinh viên những kiến thức về các hiện tượng tâm lý con người nói chung; các phương pháp nghiên cứu tâm lý. Trên cơ sở đó giúp sinh viên đi sâu nghiên cứu và nắm bắt được các đặc điểm tâm lý và nhân cách của con người để có thể vận dụng vào việc giải quyết các nhiệm vụ của thực tiễn hoạt động nghề nghiệp trong tương lai

**3. Mục tiêu của học phần**

- **Kiến thức:** Cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản: Khái niệm, đặc điểm, bản chất, quy luật nảy sinh, hình thành và phát triển các hiện tượng tâm lý người; lịch sử hình thành và phát triển của Tâm lý học; vai trò của hoạt động và giao tiếp đối với sự phát triển tâm lý.

- **Kỹ năng:** Hình thành cho sinh viên các kỹ năng nghiên cứu, phân tích tâm lý con người; kỹ năng giao tiếp; vận dụng được kiến thức Tâm lý học vào việc giải quyết các tình huống trong thực tế.

- **Mức độ tự chủ và trách nhiệm:** Sinh viên ý thức được tầm quan trọng của việc nghiên cứu tâm lý con người trong công việc và cuộc sống hằng ngày; khách quan, độc lập, trách nhiệm khi đánh giá con người và có ứng xử đúng đắn, phù hợp với mọi người xung quanh; sinh viên tích cực hoàn thiện và giáo dục nhân cách của bản thân và người



### **ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

#### **HỌC PHẦN: THỐNG KÊ TRONG KHOA HỌC XÃ HỘI**

**Mã học phần:** 1100120

**Tên tiếng Anh:** Statistics in social science

#### **1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Thống kê trong khoa học xã hội (dành cho ngành CTXH)
- Mã học phần: 1100120                                      Số tín chỉ: 02
- Các học phần học trước: Không
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các yêu cầu khác đối với học phần (nếu có): Không
- Phân gờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lý thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận:
  - + Thực hành, thực tập:
    - + Hoạt động theo nhóm:
    - + Tự học: 55 tiết.
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý-Giáo dục và Công tác xã hội

#### **2. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp cho sinh viên công cụ toán thống kê ứng dụng phù hợp với các nghiên cứu trong khoa học xã hội. Nội dung gồm: Công cụ toán thống kê B và nội dung thống kê xã hội. Phần công cụ toán thống kê giới thiệu các cách mô tả số liệu như bảng phân bố tần số, các loại đồ thị, các số thống kê thường dùng như Mode, median, Mean, SD, hệ số tương quan nhị biến. Phần thống kê suy diễn giới thiệu kỹ thuật chọn mẫu, phương pháp suy diễn từ các số thống kê trên mẫu và một số bài toán kiểm định giả thuyết thống kê thường dùng trong nghiên cứu khảo sát mẫu hay thực nghiệm đơn giản.

Phần nội dung thống kê gồm hệ thống chỉ tiêu xã hội và nội dung chỉ tiêu thống kê trong các lĩnh vực hoạt động xã hội.

#### **3. Mục tiêu của học phần**

- Về kiến thức: Hiểu được ý nghĩa của việc sử dụng công cụ toán trong nghiên cứu

các ngành khoa học xã hội và tại sao sử dụng toán thống kê trong nghiên cứu các ngành khoa học xã hội; Nắm được những vấn đề cơ bản trong Thống kê xã hội học về lý thuyết và thực hành.

- Về kỹ năng: Hình thành các kỹ năng vận dụng phương pháp thống kê vào nghiên cứu các hiện tượng xã hội.

- Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm: Rèn luyện ý thức cẩn thận có trách nhiệm khi thu thập, xử lý số liệu.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể:		Mức độ tự CDR
<b>CDR 1</b>	Giải thích được các khái niệm cơ bản của thống kê ứng dụng dành cho các nghiên cứu trong khoa học xã hội.	3
<b>CDR 2</b>	Giải thích ý nghĩa, biết công dụng của các tham số thống kê trong các bài toán thống kê cơ bản	3
<b>CDR 3</b>	Vận dụng được bản chất các bài toán thống kê mô tả, chọn mẫu, ước lượng	3
<b>CDR 4</b>	Hệ thống hóa được các công cụ toán thống kê để tính các chỉ tiêu trong nội dung thống kê của cán bộ ngành công tác xã hội.	4
<b>CDR 5</b>	Làm quen với các phần mềm tin học hỗ trợ thống kê như: Excel, SPSS,...	3

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1]. Đào Hữu Hồ (2007), <i>Giáo trình thống kê xã hội học (Dành cho các trường Đại học khối Xã hội và Nhân văn, các trường Cao đẳng)</i> , NXB Giáo dục.
Tài liệu tham khảo thêm:	[1]. Trường đại học lao động – xã hội (2007), <i>Thống kê xã hội</i> , NXB Lao động – Xã hội, Hà Nội [2]. Hoàng Chung (1982), <i>Phương pháp thống kê toán học trong khoa học giáo dục</i> , NXB Giáo dục, Hà Nội. [4]. Đỗ Anh Tài (2008), <i>Giáo trình phân tích thống kê</i> , NXB Thống kê, Hà Nội [5]. Phạm Văn Quyết, Nguyễn Quý Thanh (2001), <i>Phương pháp nghiên cứu xã hội học</i> , NXB Đại học Quốc gia, Hà Nội. [6]. Đào Hữu Hồ (2000), <i>Thống kê xã hội học (Xác suất thống kê B)</i> , NXB ĐHQG Hà Nội. [7]. Hoàng Trọng – Chu Nguyễn Mộng Ngọc (2008), <i>Phân tích dữ liệu nghiên cứu với SPSS, tập 1, tập 2</i> , NXB Hồng Đức

## 6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung
Buổi 1 (3 tiết)	MỞ ĐẦU PHẦN 1: TOÁN THỐNG KÊ 1.1. Thống kê mô tả một biến 1.1.1. Nội dung mô tả một biến 1.1.2. Phương pháp mô tả một biến Bài tập
Buổi 2 (3 tiết)	1.2. Thống kê mô tả hai biến 1.2.1. Nội dung mô tả hai biến 1.2.2. Phương pháp mô tả hai biến Bài tập
Buổi 3 (3 tiết)	1.3. Phương pháp chọn mẫu 1.3.1. Một số vấn đề chung về chọn mẫu 1.3.2. Các bước chọn mẫu 1.3.3. Các phương pháp chọn mẫu cơ bản Bài tập
Buổi 4 (3 tiết)	1.4. Bài toán ước lượng 1.4.1. Bài toán ước lượng tổng quát 1.4.2. Bài toán ước lượng trung bình cộng 1.4.3. Bài toán ước lượng tỉ lệ Bài tập
Buổi 5 (2 tiết)	1.5. Bài toán kiểm định 1.5.1. Bài toán kiểm định khái quát 1.5.2. Một số bài toán kiểm định cơ bản Bài tập
(1 tiết)	Kiểm tra giữa kỳ
Buổi 6 (3 tiết)	1.6. Ứng dụng các phần mềm thống kê 1.6.1. Giới thiệu các phần mềm thống kê
Buổi 7 (3 tiết)	1.6.2. Thực hành các phần mềm thống kê
Buổi 8 (3 tiết)	PHẦN 2: NỘI DUNG THỐNG KÊ XÃ HỘI 2.1. Hệ thống chỉ tiêu xã hội
Buổi 9 (3 tiết)	2.2. Các nội dung thống kê xã hội cơ bản Thống kê giáo dục và đào tạo Thống kê y-tế và sức khỏe Thống kê hôn nhân và gia đình ....
Buổi 10 (3 tiết)	Bài tập tổng hợp

**7. Phương pháp đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá sử dụng)**

Hình thức đánh giá	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
Chuyên cần	9 buổi	- Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp	Trong toàn bộ thời gian học môn học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1 bài	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân: - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	
Thi cuối kỳ	1 bài	Nội dung tập trung trong chương trình dạy học	Kết thúc môn học và theo	70%

			thông báo của Nhà trường
--	--	--	-----------------------------

**8. Thông tin về giảng viên**

**8.1. Giảng viên 1**

- Họ và tên: Dương Bạch Dương
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: [duongbachduong@qnu.edu.vn](mailto:duongbachduong@qnu.edu.vn). Điện thoại: 0914087560

**8.2. Giảng viên 2**

- Họ và tên: Nguyễn Lê Hà
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Tiến sĩ
- Email: [nguyenleha@qnu.edu.vn](mailto:nguyenleha@qnu.edu.vn) Điện thoại: 0973177789

**9. Các quy định chung**

Cam kết của giảng viên	Đảm bảo đúng nội dung, đúng lịch dạy và đúng phương thức đánh giá.
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Nếu nghỉ học phải thực hiện đúng theo qui định của nhà trường. Thực hiện đầy đủ các bài tập trên lớp/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện. Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	Thực hiện đúng nội qui trong lớp học
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	Theo quy định chung của Trường.

Bình Định, ngày 2 tháng 8 năm 2017

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

**TS. Dương Bạch Dương**

**ThS. Võ Thị Thủy**

**TS. Đinh Anh Tuấn**

**HIỆU TRƯỞNG**





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**Học phần: GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC**

**Mã học phần: 1100016**

**Tên tiếng Anh: Moral education**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Giáo dục đạo đức
- Mã học phần : 1100016                      Số tín chỉ: 2
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 20 tiết
  - + Thảo luận : 20 tiết
  - + Tự học : 50 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mô tả học phần**

Học phần cung cấp những khái niệm chung về đạo đức, về đạo đức học, về hệ thống các chuẩn mực đạo đức và giá trị đạo Việt Nam truyền thống và hiện đại. Học phần cũng trang bị cho người học những kỹ năng, phương pháp tiếp cận, tìm hiểu và nghiên cứu những vấn đề liên quan đến đạo đức và giá trị đạo đức.

**3. Mục tiêu của học phần:**

- *Về kiến thức:* Nắm vững các khái niệm cơ bản của đạo đức học, chức năng, nhiệm vụ và các phương pháp nghiên cứu đạo đức, một số nội dung giảng dạy đạo đức và giáo dục đạo đức hiện nay.

- *Về kỹ năng:* Kỹ năng phân tích, giải thích các hiện tượng đạo đức trong đời sống xã hội. Kỹ năng giáo dục và tự giáo dục các phẩm chất, hành vi, thói quen đạo đức trong cuộc sống hàng ngày.

- *Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm:* Đúng mực, trách nhiệm trong các mối quan hệ và giao tiếp, xây dựng các phẩm chất cơ bản của nhân viên công tác xã hội.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:		Mức độ CDR
CĐR 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- □□NH NGH□A □□□C M□T S□ KHỎI NI□M C□ B□N V□ □□O □□C, □□O □□C H□C, PH□M TRỤ□□O □□C</li> <li>- MỤ T□ □□□C CH□C N□NG, NHI□M V□ V các phương pháp nghiên cứu đạo đức</li> <li>- Giải thích được một số phạm trù cơ bản của giáo dục đạo đức</li> <li>- Giải thích được vai trò giáo dục đối với sự phát triển tâm lý-đạo đức.</li> </ul>	3
CĐR 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức đầy đủ về mối quan tâm giữa vấn đề của giáo dục đạo đức với các vấn đề xã hội khác</li> <li>- Nhận thức đầy đủ mối liên hệ giữa việc giải quyết vấn đề giáo dục đạo đức cho thân chủ với sự tham gia hỗ trợ của các hệ thống xã hội</li> </ul>	3
CĐR 3	Tích cực thể hiện thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp	3
CĐR 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thành thạo khi làm việc với các nhóm khác nhau</li> <li>- Thành thạo trong hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm</li> </ul>	3
CĐR 5	- Tích cực chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng, chặt chẽ và khoa học	3

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1]. G.Bandêlarde, <i>Đạo đức học</i> , Viện KHGD.H, 1978 [2]. Trần Đăng Sinh - Nguyễn Thị Thọ, <i>Giáo trình đạo đức học</i> , NXB ĐHSP, 2011
Tài liệu tham khảo thêm:	[3]. Hà Thế Ngữ, <i>Giáo dục học, Một số vấn đề lý luận và thực tiễn</i> , Nxb ĐHQG, H.2001 [4]. Thái Duy Tuyên, <i>Những vấn đề cơ bản giáo dục học hiện đại</i> , Nxb GD, H.1998 [5]. Võ Nguyên Du, <i>Giáo dục đạo đức</i> , Trường đại học Quy Nhơn, 2019

### 6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung
1	Chương I: ĐẠO ĐỨC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC

(3 tiết)	<p>I. Đạo đức, chức năng, nhiệm vụ của đạo đức.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đạo đức là gì? (Bản chất của đạo đức).</li> <li>2. Chức năng của đạo đức. <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Định hướng.</li> <li>b. Điều chỉnh hành vi.</li> <li>c. Kiểm tra đánh giá.</li> </ol> </li> <li>3. Nhiệm vụ của đạo đức.</li> </ol>
<p>Buổi 2 (3 tiết)</p>	<p>Chương I: ĐẠO ĐỨC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC</p> <p>II. Một số đặc điểm của đạo đức.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đạo đức được hình thành trong quá trình lịch sử và do những điều kiện sinh hoạt vật chất và nhu cầu xã hội quy định.</li> <li>2. Hành vi đạo đức bao giờ cũng mang tính tự nguyện, tự giác xuất phát từ “Thương người như thể thương thân”.</li> <li>3. Là một hình thái ý thức xã hội, đạo đức chịu ảnh hưởng của chính trị, pháp luật, triết học, nghệ thuật, tôn giáo. Do đó đạo đức mang tính lịch sử, giai cấp rõ rệt.</li> <li>4. Đạo đức bao giờ cũng biến đổi chậm hơn tồn tại xã hội.</li> <li>5. Đạo đức duy trì bởi sức mạnh dư luận xã hội, khác với luật pháp được duy trì bằng bạo lực của giai cấp thống trị.</li> </ol>
<p>Buổi 3 (3 tiết)</p>	<p>Chương I: ĐẠO ĐỨC HỌC LÀ MỘT KHOA HỌC</p> <p>III. Đạo đức học và các phương pháp nghiên cứu của đạo đức học</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Đạo đức học là gì?</li> <li>2. Các phương pháp nghiên cứu đạo đức học.</li> </ol> <p>IV. Mối quan hệ giữa đạo đức và các hình thái ý thức xã hội khác.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Quan hệ giữa đạo đức và chính trị.</li> <li>2. Quan hệ giữa đạo đức và luật pháp.</li> <li>3. Quan hệ giữa đạo đức và khoa học.</li> <li>4. Quan hệ giữa đạo đức và tôn giáo</li> </ol>
<p>Buổi 4 (3 tiết)</p>	<p>Chương II: MỘT SỐ PHẠM TRÙ, KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC</p> <p>I. Khái niệm về phạm trù đạo đức.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Phạm trù.</li> <li>2. Phạm trù đạo đức.</li> </ol> <p>II. Tiêu chuẩn đánh giá một hành động đạo đức.</p>

	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Tính có ích.</li> <li>2. Tính tự giác.</li> <li>3. Tính tự nguyện.</li> <li>4. Tính không vụ lợi.</li> </ol>
Buổi 5 (3 tiết)	<p>Chương II: MỘT SỐ PHẠM TRÙ, KHÁI NIỆM CƠ BẢN CỦA ĐẠO ĐỨC</p> <p>III. Một số khái niệm cơ bản của đạo đức học.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Hạnh phúc.</li> <li>2. Nghĩa vụ.</li> <li>3. Lương tâm.</li> <li>4. Hành động có mục đích.</li> <li>5. Ý thức đạo đức.</li> <li>6. Ý chí đạo đức.</li> <li>7. Đức tính.</li> <li>8. Chuẩn mực đạo đức.</li> <li>9. Thiện và ác.</li> <li>10. Cấu trúc tâm lý của hành vi đạo đức.</li> </ol>
	Kiểm tra giữa kỳ
Buổi 6 (3 tiết)	<p>Chương III: GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC</p> <p>I. Khái niệm.</p> <p>II. Sự phát triển tâm lý-đạo đức.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguồn gốc phát triển.</li> <li>2. Điều kiện phát triển.</li> <li>3. Động lực phát triển.</li> </ol> <p>III. Vai trò giáo dục đối với sự phát triển tâm lý-đạo đức.</p> <p>IV. Hoạt động chủ đạo và các giai đoạn phát triển tâm lý-đạo đức.</p> <p>V. Nhiệm vụ giáo dục đạo đức.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Xây dựng ý thức đạo đức.</li> <li>2. Bồi dưỡng tình cảm đạo đức.</li> <li>3. Rèn luyện các hành vi thói quen đạo đức.</li> <li>4. Các phẩm chất đạo đức quan trọng cần hình thành cho thế hệ trẻ.</li> </ol> <p>Thảo luận</p>
Buổi 7 (3 tiết)	<p>Chương III: GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC</p> <p>VI. Nội dung giáo dục đạo đức.</p>

	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Cuộc sống của học sinh tiểu học và yêu cầu về phương thức hành vi đạo đức.</li> <li>2. Cuộc sống của học sinh trung học và yêu cầu giáo dục đạo đức đối với lứa tuổi này.       <ol style="list-style-type: none"> <li>a. Đạo đức mới trong gia đình.</li> <li>b. Về tình bạn.</li> <li>c. Về tình yêu.</li> <li>d. Về học tập.</li> <li>e. Về giao tiếp.</li> </ol> </li> </ol> <p>VII. Con đường và phương tiện giáo dục đạo đức.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Thông qua giảng dạy các môn học trong nhà trường.</li> <li>2. Đưa đối tượng tham gia và lao động và các hoạt động xã hội phong phú, đa dạng.</li> <li>3. Thông qua các cuộc kỷ niệm lịch sử, lễ hội văn hoá, giáo dục truyền thống dân tộc.</li> <li>4. Tổ chức sinh hoạt các đoàn thể.</li> <li>5. Tổ chức các cuộc thi hấp dẫn.</li> </ol> <p>Bài tập và thảo luận</p>
<p>Buổi 8 (3 tiết)</p>	<p>Chương III: GIÁO DỤC ĐẠO ĐỨC</p> <p>VIII. Phương pháp giáo dục đạo đức.</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái niệm về phương pháp giáo dục.</li> <li>2. Hệ thống các phương pháp giáo dục.</li> <li>3. Nhận xét về một số phương pháp giáo dục sai lầm.</li> <li>4. Một số quan điểm cơ bản về việc tìm kiếm phương pháp giáo dục đạo đức có hiệu quả.</li> <li>5. Phương pháp và kỹ thuật cụ thể trong việc hình thành phẩm chất và hành vi văn hoá đạo đức.</li> <li>6. Những điều kiện đảm bảo cho việc giáo dục nếp sống, hành vi văn hoá đạo đức cho thế hệ trẻ.</li> </ol>
<p>Buổi 9 (3 tiết)</p>	<p>Chương IV: ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC</p> <p>I- Truyền thống dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Truyền thống là gì?</li> <li>2. Đặc trưng cơ bản của truyền thống</li> <li>3. Yêu cầu cơ bản của giáo dục truyền thống.</li> </ol> <p>II- Truyền thống đạo đức cơ bản của dân tộc Việt Nam.</p>

	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Truyền thống yêu nước.</li> <li>2. Truyền thống nhân nghĩa.</li> <li>3. Truyền thống cần cù, sáng tạo, thủy chung, lạc quan.</li> <li>4. Truyền thống giáo dục.</li> </ol>
Buổi 10 (3 tiết)	<p>Chương IV: ĐẠO ĐỨC TRUYỀN THỐNG CỦA DÂN TỘC</p> <p>III. Chủ tịch Hồ Chí Minh – Sự kết tinh truyền thống tốt đẹp của dân tộc</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chủ tịch Hồ Chí Minh – một nhà cách mạng yêu nước vĩ đại của dân tộc Việt Nam.</li> <li>2. Chủ tịch Hồ Chí Minh – đạo đức, tư tưởng của một nhân cách sư phạm lỗi lạc – truyền thống dân tộc sâu sắc.</li> <li>3. Tư tưởng độc lập, tự do và CNXH của chủ tịch Hồ Chí Minh là đỉnh cao của chủ nghĩa yêu nước, nhân đạo của dân tộc.</li> <li>4. Khiêm tốn, giản dị, cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư là những đức tính nhất quán của chủ tịch Hồ Chí Minh.</li> </ol>

#### 7. Phương pháp đánh giá

Hình thức	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
Chuyên cần	30	- Tham gia đầy đủ các buổi học. - Tích cực, chủ động trong mọi hoạt động học tập.	Theo từng buổi học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân/nhóm. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Nội dung bài đúng yêu cầu của đề + Không sao chép dưới mọi hình thức + Trình bày rõ ràng + Nộp bài đúng thời gian quy định + Liên hệ thực tiễn, sáng tạo	Giữa học kỳ	
Thi cuối kỳ	1	- Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết	Cuối học kỳ - Theo	70%

		- Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	kế hoạch của trường	
--	--	---	---------------------	--

## Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Nguyên Du
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư – Tiến sĩ
- Email: [nguyenduvo@gmail.com](mailto:nguyenduvo@gmail.com). Điện thoại liên hệ: 0914123917

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Thị Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: [vothuy24@gmail.com](mailto:vothuy24@gmail.com) Điện thoại liên hệ: 0978903365

## 9. Các quy định chung

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học ...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ phía giáo viên ...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học ...
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài ...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập

Bình Định, ngày 30 tháng 07 năm 2017

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

PGS. TS Võ Nguyên Du

TRƯỞNG BỘ MÔN

Võ Thị Thủy

TRƯỞNG KHOA

Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ





## ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

### HỌC PHẦN: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM Mã học phần: 1100045

Tên tiếng Anh: VIETNAM CULTURE ESTATE

#### 1. Thông tin chung về học phần:

- Tên học phần: CƠ SỞ VĂN HÓA VIỆT NAM
- Mã học phần: 1100045                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 18 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp:
  - + Thảo luận: 06
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm: 18 tiết
  - + Tự học: 48 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý - Giáo dục & Công tác xã hội

#### 2. Mô tả học phần

Học phần Cơ sở văn hóa Việt Nam, cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết cho việc hiểu một nền văn hóa, từ đó nắm được các đặc trưng cơ bản, cùng các quy luật hình thành và phát triển văn hóa Việt Nam. Nhận diện được các vùng văn hóa trên lãnh thổ Việt Nam, tiến trình lịch sử của văn hóa Việt Nam từ cội nguồn cho đến nay.

Tìm hiểu các thành tố văn hóa: văn hóa nhận thức và văn hóa tổ chức cộng đồng; văn hóa giao tiếp ứng xử với môi trường tự nhiên và xã hội. Tìm hiểu sự giao lưu ảnh hưởng của văn hóa Việt Nam với văn hóa Trung Hoa, Ấn Độ và văn hóa phương Tây.

Thi cuối kỳ		Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường	theo thông báo của Nhà trường	
-------------	--	--	-------------------------------	--

### 8. Thông tin về giảng viên 8.1.

#### Giảng viên 1

- Họ và tên: Ngô Thị Phương Trà
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranpt.bd@gmail.com; Điện thoại liên hệ: 0983.044.800

#### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên:
- Chức danh, học hàm, học vị:
- Email: Điện thoại liên hệ:

### 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.</li> <li>-Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện</li> <li>-Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.</li> </ul>
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> </ul>

	<p>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</p> <p>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</p>
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 5 tháng 8 năm 2017

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Th.S Ngô Thị Phương Trà

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



Th.S Võ Thị Thủy

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**Học phần: GIÁO DỤC VÀ PHÁT TRIỂN**  
**Mã học phần: 1100037**  
**Tên tiếng Anh: Education and Development**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Giáo dục và phát triển
- Mã học phần : 1100037 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần : Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết : 20 tiết
  - + Thảo luận : 20 tiết
  - + Tự học : 50 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý - Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mô tả học phần:**

Môn học giúp người học nghiên cứu mối quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển xã hội và con người, nhận thức được vai trò của giáo dục trong sự phát triển của xã hội hiện đại và hướng phát triển của giáo dục trong xã hội hiện tại và tương lai.

**3. Mục tiêu của học phần:**

- Về kiến thức: Qua nghiên cứu học phần sinh viên nắm được:
  - + Quan hệ giữa giáo dục và sự phát triển con người
  - + Quan hệ giữa dân số và giáo dục
  - + Quan hệ giữa kinh tế giáo dục
- Về kỹ năng: Qua nghiên cứu học phần sinh viên có thể tính được các chỉ số phát triển con người, chỉ số phát triển xã hội và các chỉ số giáo dục.
- Về mức độ tự chủ và chịu trách nhiệm: Sinh viên xác định được hướng rèn luyện và phát triển bản thân và người khác phù hợp với xu thế chung của xã hội.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần**

(3 tiết)	5.4 Bảy mục tiêu cơ bản chiến lược “Liên tục phát triển” của Liên hiệp quốc 5.5 Tương quan phát triển kinh tế và phát triển con người 5.6 Tính chất và đặc điểm đầu tư giáo dục.
----------	--

### 7. Phương pháp đánh giá

Hình thức	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
Chuyên cần	30	- Tham gia đầy đủ các buổi học. - Tích cực, chủ động trong mọi hoạt động học tập.	Theo từng buổi học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1	- Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân/nhóm. - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Nội dung bài đúng yêu cầu của đề + Không sao chép dưới mọi hình thức + Trình bày rõ ràng + Nộp bài đúng thời gian quy định + Liên hệ thực tiễn, sáng tạo	Giữa học kỳ	
Thi cuối kỳ	1	- Thi kết thúc học phần - Hình thức thi: Viết - Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của giảng viên ra đề	Cuối học kỳ - Theo kế hoạch của trường	70%

### Thông tin về giảng viên

#### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ Nguyên Du
- Chức danh, học hàm, học vị: Phó giáo sư – Tiến sĩ
- Email: [nguyenduvo@gmail.com](mailto:nguyenduvo@gmail.com). Điện thoại liên hệ: 0914123917

#### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Thị Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: [vothuy24@gmail.com](mailto:vothuy24@gmail.com) Điện thoại liên hệ: 0978903365

**9. Các quy định chung**

Cam kết của giảng viên	Giảng dạy theo đúng mục tiêu, chương trình môn học ...
Yêu cầu đối với sinh viên	Đi học chuyên cần, thực hiện các yêu cầu học tập từ phía giáo viên ...
Quy định về tham dự lớp học	Đi học đúng giờ, không làm việc riêng trong giờ học ...
Quy định về hành vi trong lớp học	Nghiêm túc trong học tập, tích cực phát biểu tham gia xây dựng bài ...
Quy định về học vụ	Có đầy đủ tài liệu học tập

Bình Định, ngày 30 tháng 07 năm 2017

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**

**TRƯỞNG BỘ MÔN**

**TRƯỞNG KHOA**

PGS. TS Võ Nguyên Du

Võ Chí Chung

Đinh Anh Tuấn

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: LÔGIC HỌC**

**Mã học phần: 1100005**

**Tên tiếng Anh: LOGIC**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: **LÔGIC HỌC**
- Mã học phần: 1100005                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận:
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm: 18 tiết
  - + Tự học: 60 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: GDH & QLGD - Khoa TL-GD & CTXH

**2. Mô tả học phần**

Lôgic học là khoa học nghiên cứu những hình thức và quy luật của sự tư duy khoa học bao gồm: khái niệm, phán đoán, suy luận và những quy luật của tư duy. Nghiên cứu lôgic sẽ giúp cho người học nắm vững những hình thức, quy tắc và quy luật chi phối sự phát triển của tư duy. Đây là cơ sở cho việc tiếp cận những khoa học khác.

**3. Mục tiêu của học phần**

Học phần này giúp sinh viên nâng cao trình độ tư duy logic, có thể vận dụng vào học tập, nghiên cứu

- Kiến thức: Trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về logic học : khái niệm, phán đoán, suy luận và những quy luật của tư duy.

- Kỹ năng: Giúp người học nâng cao trình độ tư duy, rèn luyện kỹ năng, hình thành thói quen lập luận chặt chẽ, khoa học.

- Mức tự chủ và trách nhiệm: tích cực học tập và vận dụng thực tiễn.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần, sinh viên có thể:		Mức độ CDR
<b>CDR 1</b>	Hiểu được khái niệm logic học, chỉ rõ được đối tượng, nhiệm vụ, mục đích nghiên cứu của logic học.	<b>1</b>
<b>CDR 2</b>	Làm rõ con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý khách quan và các hình thức của tư duy	<b>2</b>
<b>CDR 3</b>	Phân biệt logic hình thức và logic biện chứng, chứng minh được mối quan hệ giữa logic hình thức và logic biện chứng.	<b>2</b>
<b>CDR 4</b>	Nắm được vai trò của logic học trong cuộc sống như thế nào?	<b>1</b>
<b>CDR 5</b>	Hiểu và phân tích được định nghĩa và cấu trúc logic khái niệm. Phân loại các loại khái niệm. Quan hệ giữa các khái niệm Các thao tác trên khái niệm. Biết vận dụng lý luận về khái niệm trong nhận thức và thực tiễn cuộc sống	<b>2</b>
<b>CDR 6</b>	Nắm được định nghĩa câu và phán đoán, cấu trúc của phán đoán, phân loại phán đoán, các phép tính logic trên phán đoán. Biết vận dụng lý luận về phán đoán trong nhận thức và thực tiễn cuộc sống	<b>3</b>
<b>CDR 7</b>	Nắm được định nghĩa suy luận, cấu trúc suy luận, các hình thức suy luận thông thường. Biết vận dụng lý luận về suy luận trong nhận thức và thực tiễn cuộc sống	<b>2</b>

<b>CĐR 8</b>	Hiểu và phân tích được các quy luật logic hình thức cơ bản của tư duy	<b>2</b>
<b>CĐR 9</b>	Nắm được định nghĩa chứng minh và bác bỏ	<b>2</b>

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Vương Tất Đạt, <i>Lôgic học</i>, NXBGD, HN, 1999</li> <li>2. Vương Tất Đạt, <i>Lôgic học đại cương</i>, NXB ĐHQGHN, 2000.</li> </ol>
Tài liệu tham khảo thêm:	<ol style="list-style-type: none"> <li>1. Nguyễn Đức Dân, <i>Lôgic và tiếng Việt</i>, NXBGD, 1996.</li> <li>2. Hồ Minh Đồng (chủ biên), <i>Giáo trình lôgic học</i>, ĐH Huế, 1999.</li> <li>3. Tô Duy Hợp- Nguyễn Anh Tuấn, <i>Lôgic học</i>, NXB Đồng Nai, 1997.</li> <li>4. Nguyễn Như Hải, <i>Giáo trình lôgic học đại cương</i>, NXB GD, 2007.</li> <li>5. Bùi Văn Mưa, <i>Nhập môn lôgic học</i>, NXB ĐHQG TP HCM, 2003</li> <li>6. Vương Tất Đạt- Bùi Văn Quân- Nguyễn Thị Vân Hà, <i>Phương pháp giải các bài tập của lôgic học</i>, NXB ĐHKQTĐ, 2006.</li> <li>7. Phan Trọng Hoà, <i>Lôgic học</i>, NXB ĐHQG TP HCM, 2006.</li> <li>8. Hoàng Chúng, <i>Lôgic học phổ thông</i>, NXB GD, 1997.</li> <li>9. Nguyễn Anh Tuấn, <i>Ứng dụng lôgic hình thức (trong quản lý hành chính nhà nước)</i>, NXB ĐHQG TP HCM, 2004.</li> <li>10. Mai Xuân Miên, <i>Logic học đại cương (Tài liệu lưu hành nội bộ)</i>, ĐH Quy Nhơn, 2002.</li> </ol>
Các loại học liệu khác:	

## **6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết**

### **CHƯƠNG I. KHÁI QUÁT VỀ LÔGIC HỌC (2t LT + 1t BT)**

#### **1.1 Khái niệm lôgic học**

1.1.1. Thuật ngữ lôgic.

1.1.2. Lôgic học

#### **1.2 Đối tượng, nhiệm vụ, mục đích nghiên cứu của lôgic học**

1.2.1. Đối tượng nghiên cứu của lôgic học

1.2.2. Nhiệm vụ nghiên cứu của lôgic học

1.2.3. Mục đích nghiên cứu của lôgic học

#### **1.3. Quá trình nhận thức và hình thức của tư duy**

1.3.1. Con đường biện chứng của sự nhận thức chân lý khách quan

1.3.2. Hình thức của tư duy

#### **1.4. Lôgic hình thức và lôgic biện chứng**

1.4.1. Lôgic hình thức

1.4.2. Lôgic biện chứng

1.4.3. Mối quan hệ giữa lôgic hình thức và lôgic biện chứng.

#### **1.5. Tính chân thực của tư tưởng và tính hợp lôgic của tư tưởng**

1.5.1. Tính chân thực của tư tưởng

1.5.2. Tính hợp lôgic của tư tưởng

#### **1.6. Ý nghĩa của việc nghiên cứu lôgic học**

### **CHƯƠNG II. KHÁI NIỆM ( 4t LT + 2t BT)**

#### **2.1. Khái niệm là gì?**

#### **2.2. Cấu trúc lôgic của khái niệm**

2.2.1. Nội hàm khái niệm

2.2.2. Ngoại diên khái niệm

2.2.3. Quan hệ giữa nội hàm và ngoại diên khái niệm

### **2.3. Các loại khái niệm**

2.3.1. Phân loại khái niệm theo nội hàm

2.3.2. Phân loại khái niệm theo ngoại diên

### **2.4. Khái niệm và từ**

### **2.5. Quan hệ giữa các khái niệm**

2.5.1. Quan hệ so sánh được

2.5.2. Quan hệ không so sánh được

### **2.6. Định nghĩa khái niệm**

2.6.1. Định nghĩa khái niệm là gì?

2.6.2. Cấu trúc logic của định nghĩa khái niệm

2.6.3. Các quy tắc của định nghĩa khái niệm

2.6.4. Các kiểu định nghĩa khái niệm

### **2.7. Phân chia khái niệm**

2.7.1. Định nghĩa phân chia khái niệm

2.7.2. Kết cấu của phép phân chia khái niệm

2.7.3. Các quy tắc phân chia khái niệm

2.7.4. Phân loại khái niệm

### **Bài tập chương 2**

## **CHƯƠNG 3. PHÁN ĐOÁN (4t LT + 2t BT)**

### **3.1. Đặc trưng của phán đoán**

3.1.1. Định nghĩa phán đoán

3.1.2. Cấu trúc logic của phán đoán

3.1.3. Phán đoán và câu

### **3.2. Phán đoán đơn**

3.2.1. Định nghĩa

3.2.2. Phân loại

### **3.3. Tính chu diên của các thuật ngữ**

3.3.1. Tính chu diên là gì?

3.3.2. Xét tính chu diên của các thuật ngữ phán đoán

### **3.4. Quan hệ giữa các phán đoán đơn**

### **3.5. Phán đoán phức**

3.5.1. Định nghĩa

3.5.2. Các loại phán đoán phức

3.5.3. Tính đẳng trị của phán đoán

### **Bài tập chương 3**

## **CHƯƠNG 4 SUY LUẬN (4t LT + 3t BT)**

### **4.1. Khái quát về suy luận**

4.1.1. Định nghĩa suy luận

4.1.2. Cấu trúc logic của suy luận

4.1.3. Các loại suy luận

### **4.2. Suy luận diễn dịch trực tiếp**

4.2.1. Định nghĩa

4.2.2. Phân loại suy luận diễn dịch trực tiếp

**4.3. Suy luận diễn dịch gián tiếp**

4.3.1. Định nghĩa

4.3.2. Phân loại suy luận diễn dịch gián tiếp

**4.4. Suy luận quy nạp**

4.4.1. Khái niệm suy luận quy nạp

4.4.2. Các loại suy luận quy nạp

4.4.3. Phương pháp xác định mối quan hệ nhân quả trong suy luận quy nạp khoa học

**CHƯƠNG 5. CÁC QUY LUẬT LÔGIC HÌNH THỨC CƠ BẢN CỦA TƯ DUY (3t LT+ 1t BT)**

**5.1. Khái niệm**

5.1.1. Quy luật

5.1.2. Quy luật của tư duy

**5.2. Các quy luật lôgic hình thức cơ bản của tư duy**

5.2.1. Quy luật đồng nhất

5.2.2. Quy luật không mâu thuẫn

5.2.3. Quy luật bài trung

5.2.4. Quy luật lý do đầy đủ

**CHƯƠNG 6. CHỨNG MINH VÀ BÁC BỎ (3 LT+ 1 BT)**

**6.1. Chứng minh**

6.1.1. Chứng minh là gì?

6.2.2. Cấu trúc phép chứng minh



### 6.3.3. Các quy tắc chứng minh

## 6.2. Bác bỏ

6.2.1. Bác bỏ là gì

6.2.2. Các cách bác bỏ

## 7. Phương pháp đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá sử dụng)

Hình thức đánh giá	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
Chuyên cần	10	- Chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học - Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần	Trong toàn bộ thời gian học môn học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân: - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	
Thi cuối kỳ	1	Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường	Kết thúc môn học và theo thông	70%

		Nội dung tập trung trong chương 1 và 2	báo của Nhà trường	
--	--	--	--------------------	--

## 8. Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Ngô Thị Phương Trà
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: trantp.bd@gmail.com; Điện thoại liên hệ: 0983.044.800

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Võ Thị Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: vothuy24@gmail.com; Điện thoại liên hệ: 0978.903.365

## 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.</li> <li>- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện</li> <li>- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.</li> </ul>
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> </ul>

	<p>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</p> <p>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</p>
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 05 tháng 8 năm 2017

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Th.S Ngô Thị Phương Trà

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



Th.S Võ Thị Thùy

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**HIỆU TRƯỞNG**



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Khoa: Lịch sử

Độc lập – Tự do- Hạnh phúc

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

## 9. HỌC PHẦN: LỊCH SỬ VĂN MINH THẾ GIỚI

Mã học phần: 1070052

Tên tiếng Anh: World civilization history

### 1- Thông tin chung về học phần

- Tên học phần: Lịch sử văn minh thế giới
- Mã học phần : 1070052                      Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Điều kiện tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác đối với học phần: Phòng học đa chức năng
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Bài tập: 10 tiết
  - + Tự học: 60 giờ
- Khoa phụ trách học phần: Khoa Lịch sử-Đại học Quy Nhơn

### 2- Mô tả học phần

Môn học cung cấp cho sinh viên những kiến thức cơ bản về những nền văn minh cổ xưa rực rỡ của loài người như: Ai Cập, Lưỡng Hà, Ấn Độ, Trung Hoa, Hy Lạp- La Mã. Đồng thời còn giúp người học có những hiểu biết sâu sắc về văn minh phương Tây cận- hiện đại, những thành tựu vượt bậc của văn minh loài người trong thời kỳ hiện đại. Qua đó góp phần hình thành các khái niệm cơ bản: Văn minh nông nghiệp, văn minh công nghiệp, văn minh hậu công nghiệp, giao thoa văn hóa, tiếp biến văn minh. Trên cơ sở đó giúp sinh viên có cái nhìn đối sánh về các nền văn minh trong lịch sử loài người, nắm được nét đặc thù và tinh phổ quát về sự hình thành và phát triển của các nền văn minh.

### 3- Mục tiêu của học phần:

- Kiến thức: Học phần cung cấp những kiến thức cơ bản, khái quát và có hệ thống về những thành tựu chủ yếu về văn hóa vật chất và tinh thần của những nền văn minh lớn trong lịch sử loài người từ phương Đông sang phương Tây, từ thời cổ đại cho đến hiện đại. Giúp nhận diện được sự tiến của các nền văn minh thế giới.. Cung cấp những kiến

		- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	đến buổi 9	
Thi cuối kỳ		Thi kết thúc học phần; Hình thức thi: Viết. Tiêu chí đánh giá bài thi: theo đáp án của GV ra đề	Theo lịch của trường	70%

## 8. Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Lê Văn Hân
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên, Thạc sĩ.
- Email: [levanhan@qnu.edu.vn](mailto:levanhan@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0974943438

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Đức Toàn
- Chức danh, học hàm, học vị: Giảng viên chính, Tiến sĩ
- Email: [nguyenductoan@qnu.edu.vn](mailto:nguyenductoan@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ 0915762324

## 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc năm viện có giấy ra viện. -Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện -Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.
Quy định về hành vi trong lớp học	- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm. - Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học. - Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> <li>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</li> </ul>
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 05 tháng 8 năm 2017

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

**Th.S. Lê Văn Hân**

TRƯỞNG BỘ MÔN

**Ts. Nguyễn Đức Toàn**

TRƯỞNG KHOA

**TS. Trần Quốc Tuấn**

HIỆU TRƯỞNG



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**



**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**Học phần: PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU Ở ĐẠI HỌC**

**Mã học phần: 1100198**

**Tên tiếng Anh: Method of learning and research in university**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần : Phương pháp học tập và nghiên cứu ở đại học
- Mã học phần : 1100198      Số tín chỉ: 2
- Loại học phần : Tự chọn
- Các học phần tiên quyết : Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thực tập:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách : Khoa Tâm lý-Giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mô tả học phần:**

Nội dung bao gồm: đặc điểm của hoạt động học tập của sinh viên đại học, các phương pháp học tập và nghiên cứu ở đại học, các kinh nghiệm học tập. Qua môn học sinh viên có thể lựa chọn phương pháp học phù hợp và áp dụng vào việc học tập ở đại học.

**3. Mục tiêu của học phần:**

- Về kiến thức:
  - + Môn học này cung cấp cho sinh viên những tri thức khái quát về các lý thuyết học tập, hiểu được bản chất của việc học,
  - + Cung cấp những phương pháp và kỹ năng học tập cần thiết ở trường đại học
  - + Trang bị cho sinh viên khả năng tự học và học tập suốt đời (Life long learning).
  - + Nắm vững lí thuyết về các thủ thuật và phương pháp học tập cần thiết ở bậc đại học
- Về kỹ năng:.



+ Có khả năng nhận ra những thay đổi trong môi trường học tập ở bậc đại học và tìm cách thích nghi với những thay đổi đó để có thể đạt được kết quả cao trong học tập.

+ Có khả năng cách thiết lập các mục tiêu và lập kế hoạch để thực hiện được những mục tiêu.

+ Có khả năng đọc, lắng nghe, ghi chép, thuyết trình và làm việc nhóm.

+ Làm được các bài thi trắc nghiệm, bài thi tự luận, trả lời thi vấn đáp, trình bày bài tiểu luận đạt yêu cầu...

+ Có thể tìm kiếm thông tin hiệu quả trên internet

- Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể:		Mức độ tự CDR
CDR 1	Hiểu và vận dụng được các phương pháp học tập và nghiên cứu ở đại học trong quá trình học tập và nghiên cứu ở đại học	3
CDR 2	Xây dựng được các phương án học tập và lựa chọn được các phương pháp học tập phù hợp với môi trường học ở đại học	3
CDR 3	Có khả năng thành lập nhóm, tổ chức nhóm, duy trì và hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm hiệu quả; Có kỹ năng làm việc với các nhóm khác nhau; Có khả năng hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm	3
CDR 4	- Có khả năng chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng, chặt chẽ và khoa học - Có khả năng tra cứu thông tin, tài liệu trên mạng liên quan đến tới lĩnh vực việc làm, biết sử dụng từ khóa trong việc tìm kiếm tài liệu khoa học, biết sử dụng những phần mềm để đọc và download tài liệu.	3
CDR 5	Thiết lập được mục tiêu học tập ở đại học và lập được kế hoạch để thực hiện mục tiêu đã đặt ra	3

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	[1] <i>Giáo trình Kỹ năng học tập</i> , Đại học Mở TP.HCM, năm 2011.
-------------------	--

	<p>[2] Tạ Thị Hồng Hạnh - Hoàng Đình Thảo Vy - Vũ Việt Hằng. <i>Kỹ Năng và Phương Pháp Học Đại Học</i>, Tài liệu lưu hành nội bộ của Trường Đại học Mở TPHCM, năm 2007.</p> <p>[3] Lê Đức Ngọc, <i>Giáo dục Đại học: Phương pháp dạy và học</i>, NXB ĐHQG Hà Nội, Hà Nội, 2005.</p>
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>[4] Carmine Gallo, <i>Bí quyết thuyết trình của Steve Jobs</i> (TS Nguyễn Thọ Nhân dịch), NXB tổng hợp TP.HCM, TP.HCM, 2011.</p> <p>[5] Mortimer J.Adler &amp; Charles Van Doren, <i>Phương pháp đọc sách</i> (Nguyễn Thành Tổng dịch), NXB Văn hóa thông tin, Hà Nội, 2010.</p>
Các loại học liệu khác:	

### 6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung
1 (2 tiết)	<p>Phần 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU</p> <p>I. Khái niệm về phương pháp học tập và nghiên cứu</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái niệm phương pháp</li> <li>2. Khái niệm phương pháp học tập</li> <li>3. Khái niệm phương pháp nghiên cứu</li> </ol>
2 (2 tiết)	<p>Phần 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU</p> <p>(Tiếp theo)</p> <p>II. Động cơ học tập</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Khái niệm động cơ học tập</li> <li>2. Các loại động cơ học tập</li> </ol>
3 (2 tiết)	<p>Phần II: PHƯƠNG PHÁP HỌC TẬP VÀ NGHIÊN CỨU Ở BẬC ĐẠI HỌC</p> <p>CHƯƠNG I: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP Ở ĐẠI HỌC</p> <p>1.1 Môi trường học tập ở đại học</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1.1.1 Đại học là gì?</li> <li>1.1.2 Bạn biết gì về môi trường học tập tại đại học?</li> </ol>

<p>4 (3 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG I: MÔI TRƯỜNG HỌC TẬP Ở ĐẠI HỌC (Tiếp theo) 1.1.3 Làm thế nào để thành công khi học ở Đại học? 1.1.4 Phương pháp dạy và học ở đại học có gì khác biệt? 1.2 Những bước để thành công khi học ở Đại học</p>
<p>5 (3 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT HỌC TẬP – NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ Ở BẬC ĐẠI HỌC 2.1 Thích nghi với sự thay đổi ở môi trường đại học 2.1.1 Nhận biết sự thay đổi khi học tập ở bậc đại học, cao đẳng 2.1.2 Đặc tính chung của sự thay đổi 2.1.3 Thích ứng với sự thay đổi</p>
<p>6 (2 tiết)</p>	<p>Kiểm tra giữa kỳ</p>
<p>7 (2 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT HỌC TẬP – NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ Ở BẬC ĐẠI HỌC (Tiếp theo) 2.2 Thiết lập mục tiêu học tập và thực hiện kế hoạch học tập 2.2.1 Cách thiết lập mục tiêu học tập khả thi 2.2.2 Lập kế hoạch để thực hiện mục tiêu học tập 2.3 Quản lý thời gian trong thực hiện mục tiêu học tập</p>
<p>8 (2 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT HỌC TẬP – NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ Ở BẬC ĐẠI HỌC (Tiếp theo) 2.3.1 Tầm quan trọng của việc quản lý thời gian học tập 2.3.2 Chạm bẫy thời gian 2.3.3 Quản lý thời gian 2.3.4 Giải quyết các công việc ngoài kế hoạch</p>
<p>9 (3 tiết)</p>	<p>CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT HỌC TẬP – NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ Ở BẬC ĐẠI HỌC (Tiếp theo) 2.4 Đọc, lắng nghe và ghi chép bài giảng 2.4.1 Kỹ năng đọc tài liệu 2.4.2 Kiểm tra tốc độ đọc của bản thân</p>

	<p>2.4.3 Những yếu tố làm giảm tốc độ đọc</p> <p>2.4.4 Những kỹ năng đọc hiệu quả</p> <p>2.4.5 Phương pháp đọc SQ3R</p>
10 (3 tiết)	<p>CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT HỌC TẬP – NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ Ở BẬC ĐẠI HỌC (Tiếp theo)</p> <p>2.5 Kỹ năng lắng nghe</p> <p>2.5.1 Tại sao phải lắng nghe</p> <p>2.5.2 Các cấp độ lắng nghe</p> <p>2.5.3 Quy trình lắng nghe</p> <p>2.5.4 Những cản trở khi lắng nghe</p> <p>2.5.5 Những lưu ý khi lắng nghe bài giảng</p>
11 (3 tiết)	<p>CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT HỌC TẬP – NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ Ở BẬC ĐẠI HỌC (Tiếp theo)</p> <p>2.6 Kỹ năng ghi chép</p> <p>2.6.1 Tầm quan trọng của ghi chép</p> <p>2.6.2 Lưu ý khi thực hiện kỹ năng ghi chép</p> <p>2.6.3 Quy trình ghi chép L – STAR</p> <p>2.6.4 Nguyên tắc ghi chép cơ bản</p> <p>2.6.5 Các kỹ thuật ghi chép cơ bản</p> <p>2.7 Kỹ năng viết tiểu luận</p> <p>2.7.1 Yêu cầu về hình thức, nội dung</p> <p>2.7.2 Các bước thực hiện tiểu luận</p> <p>2.7.3 Hướng dẫn làm tiểu luận môn học</p>
12 (3 tiết)	<p>CHƯƠNG II: PHƯƠNG PHÁP VÀ KỸ THUẬT HỌC TẬP – NGHIÊN CỨU HIỆU QUẢ Ở BẬC ĐẠI HỌC (Tiếp theo)</p> <p>2.8 Kỹ năng thuyết trình</p> <p>2.8.1 Thuyết trình là gì?</p> <p>2.8.2 Các bước thuyết trình</p> <p>2.9 Kỹ năng tìm kiếm thông tin hiệu quả từ Internet</p>

	<p>2.9.1 Kỹ năng tìm kiếm thông tin</p> <p>2.9.2 Kỹ năng đánh giá thông tin</p> <p>2.10 Kỹ năng ôn tập và làm bài thi</p> <p>2.10.1 Ôn tập</p> <p>2.10.2 Làm bài thi</p>
--	--

**7. Phương pháp đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá sử dụng)**

Hình thức đánh giá	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
Chuyên cần	11 bài	- Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp	Trong toàn bộ thời gian học môn học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1 bài	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4)</li> <li>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình thức trình bày đúng yêu cầu</li> <li>+ Nội dung đúng yêu cầu</li> <li>+ Không sao chép dưới mọi hình thức</li> <li>+ Nộp bài đúng thời gian quy định</li> </ul> </li> </ul>	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	

Thi cuối kỳ	1 bài	Nội dung tập trung trong chương trình đào tạo của học phần	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	70%
-------------	-------	--	---	-----

## 8. Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Võ thị Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: [vothithuy@qnu.edu.vn](mailto:vothithuy@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0978903365

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Thị Ngọc Dung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: [nguyenthingocdung@qnu.edu.vn](mailto:nguyenthingocdung@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 02563647257

## 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.</li> <li>-Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện</li> <li>-Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.</li> </ul>
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> </ul>

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> <li>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</li> </ul>
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

*Bình Định, ngày 5 tháng 8 năm 2017*

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỜNG BỘ MÔN

TRƯỜNG KHOA

**ThS. Võ Thị Thủy**

**ThS. Võ Thị Thủy**

**TS. Đinh Anh Tuấn**

**HIỆU TRƯỞNG**



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN**

**Mã học phần: 1100045**

**Tên tiếng Anh: Vietnamese text editing techniques**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: KỸ THUẬT SOẠN THẢO VĂN BẢN
- Mã học phần: 1100045                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có): Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 12 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 16 tiết
  - + Thảo luận:
  - + Thực hành, thí nghiệm:
  - + Hoạt động theo nhóm: 04 tiết
  - + Tự học: 58 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý - Giáo dục & Công tác xã hội

**2. Mô tả học phần**

Học phần Kỹ thuật soạn thảo văn bản tiếng Việt, cung cấp cho sinh viên những kiến thức cần thiết về các nguyên tắc soạn thảo văn bản, quy trình soạn thảo văn bản, kỹ năng soạn thảo văn bản; trình bày và ban hành các loại văn bản trong công tác văn phòng (các loại văn bản: quyết định, tờ trình, báo cáo, biên bản, công văn, ...) - những kỹ năng rất cần thiết trong hoạt động nghề nghiệp sau này.

Thông qua việc soạn thảo các văn bản, rèn luyện kỹ năng sử dụng tiếng Việt một cách chính xác, mạch lạc, chặt chẽ, trong sáng, nhằm nâng cao năng lực sử dụng tiếng



Việt trong giao tiếp, cũng như trong học tập, nghiên cứu. Đồng thời, góp phần rèn luyện kỹ năng nhận thức và tư duy cho sinh viên. Hình thành thói quen nói và viết tiếng Việt có văn hóa, có ý thức làm việc cẩn trọng với hoạt động soạn thảo văn bản.

### 3. Mục tiêu của học phần

+ Kiến thức: Cung cấp những kiến thức căn bản của văn bản nhằm giúp sinh viên hiểu đặc trưng của một văn bản, quá trình xây dựng một văn bản nói chung và các văn bản chuyên ngành nói riêng.

+ Kỹ năng: Giúp sinh viên nắm vững các loại văn bản quản lý nhà nước, văn bản khoa học, văn bản chính luận... từ đó rèn luyện cho sinh viên những kỹ năng tạo lập một văn bản theo quy định, giúp cho sinh viên sau này ra trường có thể đáp ứng yêu cầu viết các loại văn bản trong quá trình công tác, hoạt động tại các cơ quan, đoàn thể.

+ Mức tự chủ và trách nhiệm: hình thành thói quen nói và viết tiếng Việt có văn hóa, có ý thức trong việc soạn thảo các văn bản đúng thể thức.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể:		Mức độ tự CĐR
<b>CĐR 1</b>	- Hiểu được các kiến thức cơ bản về soạn thảo văn bản trong quá trình học tập cũng như thực hành nghề nghiệp.	1
<b>CĐR 2</b>	- Nắm được nguyên tắc, quy trình, kỹ thuật soạn thảo, biên tập và ban hành các loại văn bản	2
<b>CĐR 3</b>	Biết lắng nghe; Biết diễn thuyết trước một đám đông; Biết đọc nhanh và tổng hợp được các loại hình văn bản; Biết viết báo cáo tổng hợp; Thực hiện thành thạo các kỹ năng cơ bản trong hoạt động soạn thảo các loại văn bản thông dụng.	1
<b>CĐR 4</b>	- Có khả năng xác định thẩm quyền ban hành văn bản của một số cơ quan cụ thể. - Trình bày đúng thể thức của các loại văn bản; có khả năng phát hiện những sai sót của những văn bản cụ thể. - Xác định được quy trình soạn thảo và ban hành văn bản của một số loại văn bản hành chính.	1
<b>CĐR 5</b>	Biết làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện thay đổi; Biết chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm.	2

--	--	--

## 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	<p>1. Lê Xuân Soạn (chủ biên), Nguyễn Hồng Kiên, Hoàng Thị Tâm, <i>Kỹ thuật soạn thảo văn bản (dùng cho sinh viên các trường Đại Học – Cao Đẳng)</i>, NXB Tổng hợp TP. HCM., Năm 2005.</p> <p>2. Nguyễn Mạnh Hiền, <i>Giáo trình văn bản và phương pháp soạn thảo văn bản trong quản lí</i>, NXB Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội, 2004.</p>
Tài liệu tham khảo thêm:	<p>1. Bùi Minh Toán (Chủ biên), Lê A, Đỗ Việt Hùng; <i>Tiếng Việt thực hành</i>, NXB Giáo dục, 2000.</p> <p>2. Hà Thúc Hoan; <i>Tiếng Việt thực hành</i>, NXB Thành phố Hồ Chí Minh, 1997.</p> <p>3. Lê Nga, <i>Mẫu soạn thảo văn bản trong lĩnh vực hành chính, dân sự</i>, NXB Lao động- Xã hội, 2007.</p> <p>4. Nguyễn Minh Thuyết (Chủ biên), Nguyễn Văn Hiệp; <i>Tiếng Việt Thực hành</i>, NXB Đại học quốc gia Hà Nội 2001.</p> <p>5. Nguyễn Quang Ninh; <i>150 bài tập về dựng đoạn văn</i>, NXB Giáo dục.</p> <p>6. Phan Thiều; <i>Rèn luyện ngôn ngữ</i>, Tập 1,2, NXB Giáo dục, 1998.</p> <p>7. Vương Hữu Lễ, Đinh Xuân Quỳnh; <i>Tiếng Việt thực hành</i>, NXB Thuận Hoá, 2003.</p>
Các loại học liệu khác:	

## 6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

### Chương 1. GIAO TIẾP VÀ TẠO LẬP VĂN BẢN ( 08 LT, 08 BT)

#### 1.1. Giao tiếp và văn bản

##### 1.1.1. Khái niệm

##### 1.1.2 Các nhân tố của giao tiếp

## 1.2. Văn bản, đặc trưng của văn bản

1.2.1. Khái niệm về văn bản

1.2.2. Các đặc trưng cơ bản của văn bản

1.2.3. Kết cấu của văn bản

1.2.4. Các loại văn bản

## 1.3. Quá trình tạo lập văn bản

1.3.1. Sơ lược về các giai đoạn trong quy trình tạo lập văn bản

1.3.2. Các giai đoạn tạo lập văn bản

## 1.4. Rèn kỹ năng dựng đoạn trong xây dựng văn bản

1.4.1. Cấu trúc của đoạn văn

1.4.2. Luyện viết đoạn văn

1.4.3. Tách đoạn và liên kết đoạn

1.4.4. Một số lỗi khi viết đoạn văn

## **Chương 2. VĂN BẢN QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC (02LT, 08 BT, 04 HD)**

### 2.1. Khái quát về văn bản quản lý nhà nước

2.1.1. Khái niệm về văn bản quản lý nhà nước

2.1.2. Ý nghĩa của văn bản quản lý nhà nước

2.1.3. Chức năng và vai trò của văn bản quản lý nhà nước.

### 2.2. Các loại văn bản quản lý nhà nước

2.2.1. Văn bản quy phạm pháp luật (pháp quy)

2.2.2. Văn bản hành chính

2.2.3. Các hình thức văn bản khác

### 2.3. Kỹ thuật biên soạn văn bản quản lý nhà nước

2.3.1. Yêu cầu về nội dung văn bản

2.3.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ

2.3.3. Biên soạn một số loại hình văn bản thông dụng

## **Chương 3. MỘT SỐ VĂN BẢN KHÁC (2 LT)**

### 3.1. Văn bản khoa học

3.1.1. Phạm vi và chức năng

3.1.2. Phân loại

3.1.3. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ

3.1.4. Kết cấu chung của một tiểu luận khoa học

### 3.2. Văn bản chính luận

3.2.1. Chức năng và phân loại

3.2.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ

### 3.3. Văn bản báo chí

3.3.1 Chức năng và phân loại.

3.3.2. Đặc điểm sử dụng các phương tiện ngôn ngữ

### 3.4. Văn bản văn chương nghệ thuật

## PHỤ LỤC

Thông tư liên tịch (Hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản)

Dấu câu tiếng Việt

## 7. Phương pháp đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá sử dụng)

Hình thức đánh giá	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
--------------------	----------	----------	-----------	----------

Chuyên cần	10	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động, mức độ tích cực chuẩn bị bài và tham gia các hoạt động trong giờ học</li> <li>- Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần</li> </ul>	Trong toàn bộ thời gian học môn học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4)</li> <li>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình thức trình bày đúng yêu cầu</li> <li>+ Nội dung đúng yêu cầu</li> <li>+ Không sao chép dưới mọi hình thức</li> <li>+ Nộp bài đúng thời gian quy định</li> </ul> </li> </ul>	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	
Thi cuối kỳ	1	<p>Thực hiện theo kế hoạch của nhà trường</p> <p>Nội dung tập trung trong chương 1 và 2</p>	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	70%

### 8. Thông tin về giảng viên 8.1.

Giảng viên 1

- Họ và tên: Ngô Thị Phương Trà

- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ

- Email: tranp.bd@gmail.com; Điện thoại liên hệ: 0983.044.800

## 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên:

- Chức danh, học hàm, học vị:

- Email: Điện thoại liên hệ:

## 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.</li> <li>-Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện</li> <li>-Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.</li> </ul>
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> <li>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</li> </ul>

Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 5 tháng 8 năm 2017

**GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN**



Th.S Ngô Thị Phương Trà

**TRƯỞNG BỘ MÔN**



Th.S Võ Thị Thùy

**TRƯỞNG KHOA**



TS. Đinh Anh Tuấn

**HIỆU TRƯỞNG**




**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

**KHOA ĐỊA LÍ - ĐỊA CHÍNHH**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**12. HỌC PHẦN: ĐỊA LÍ KINH TẾ - XÃ HỘI VIỆT NAM**

**Mã học phần: 1080135**

**Tên tiếng Anh: Socio-economic Geography of Vietnam**

**1. Thông tin chung về học phần**

- Tên học phần: Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam
- Mã học phần: 1080135 Số tín chỉ: 2
- Loại học phần: Tự chọn
- Các học phần tiên quyết :
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Địa lý – Địa chínhh

**2. Mô tả học phần:**

Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết chung về tổ chức không gian các quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng những hiểu biết của mình trong quá trình phát triển kinh tế, xã hội ở địa phương.

**3. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức:

Môn Địa lí kinh tế - xã hội Việt Nam nhằm trang bị cho sinh viên những kiến thức cơ bản về tổ chức không gian các quá trình phát triển kinh tế - xã hội ở Việt Nam.

- Kỹ năng

Rèn luyện cho sinh viên kĩ năng phân tích, tổng hợp: Đây là môn học có đối tượng nghiên cứu khá rộng liên quan đến nhiều lĩnh vực. Vì vậy, sinh viên cần có khả năng nhận thức và lựa chọn những dữ liệu cơ bản nhất giữa các đối tượng để rút ra những kết luận cần thiết và khái quát hoá vấn đề.


Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân; Hình thành năng lực lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực.




Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> <li>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</li> </ul>
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 5 tháng 8 năm 2017

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

  
TS. Hoàng Quý Châu

TRƯỞNG BỘ MÔN

  
Hoàng Quý Châu

TRƯỞNG KHOA

  
Ngô Anh Tú

HIỆU TRƯỞNG



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN  
Khoa ĐAI LÝ- ĐỊA CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

### ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT

**Học phần: MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN**

**Mã học phần: 1100055**

**Tên tiếng Anh: Environment and Development**

#### **1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Môi trường và phát triển
- Mã học phần: 1100055                      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Tự chọn
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 05 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Hoạt động theo nhóm: 0 tiết
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Địa lý – Địa chính

#### **2. Mô tả học phần:**

Học phần Môi trường và phát triển giới thiệu những nét cơ bản, kiến thức về môi trường và phát triển bền vững: Các khái niệm cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, các vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường bức xúc ở Việt Nam... , khái niệm, yêu cầu, nguyên tắc và những khó khăn hiện nay của phát triển và phát triển bền vững; Định hướng chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam

#### **3. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức: Học phần này cung cấp cho sinh viên những tri thức cơ bản cần thiết về môi trường và phát triển bền vững, các khái niệm cơ bản về môi trường, ô nhiễm môi trường, phát triển và phát triển bền vững.

- Kỹ năng: Sau khi học xong học phần này giúp cho sinh viên có kỹ năng nhận biết, phân tích, đánh giá, nghiên cứu và tuyên truyền giáo dục ý thức bảo vệ môi trường góp phần thực hiện thành công chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam.

- Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

#### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể:		Mức độ tự CDR
CDR 1	Sinh viên hiểu những kiến thức cơ bản về môi trường	3
CDR 2	Phân tích được <i>những vấn đề môi trường toàn cầu và môi trường bức xúc ở Việt Nam hiện nay</i>	3
CDR 3	Giải thích được khái niệm về phát triển và phát triển bền vững	3
CDR 4	<i>Phân tích được những khó khăn trong bảo vệ môi trường và phát triển bền vững hiện nay</i>	3
CDR 5	<i>Biết cách áp dụng nhưng</i> định hướng chiến lược bảo vệ môi trường và phát triển bền vững ở Việt Nam vào thực tiễn	4

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Nguyễn Đình Hoà, giáo trình Môi trường và phát triển bền vững, Nxb Giáo dục, 2006
Tài liệu tham khảo thêm:	1. Bùi Xuân Đính (2012), Các tộc người ở Việt Nam (Giáo trình). Nhà xuất bản Thời đại, Hà Nội. 2. Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

#### 6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung
1 (3 tiết)	<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG</b> 1. 1. Môi trường 1.1.1. Khái niệm môi trường 1.1.2. Cấu trúc của hệ thống môi trường 1.1.3. Chức năng của hệ thống môi trường 1.2. Ô nhiễm, suy thoái và sự cố môi trường
2 (3 tiết)	<b>CHƯƠNG 1: NHỮNG VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ MÔI TRƯỜNG</b> <i>(Tiếp theo)</i> 1.2.1. Suy thoái môi trường 1.2.2. Ô nhiễm môi trường 1.2.3. Sự cố môi trường và tai biến môi trường

	<p>1.3. An ninh môi trường và an toàn môi trường</p> <p>1.4. Nghèo khổ và môi trường</p> <p>1.5. Dân số và môi trường</p>
3 (3 tiết)	<p><i>CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU VÀ MÔI TRƯỜNG BỨC XÚC Ở VIỆT NAM</i></p> <p>2.1. Những vấn đề môi trường toàn cầu</p> <p>2.1.1. Biến đổi khí hậu</p> <p>2.1.2. Suy giảm tầng ô zôn</p> <p>2.1.3. Ô nhiễm xuyên biên giới</p> <p>2.1.4. Xuất khẩu chất thải độc hại</p> <p>2.1.5. Suy thoái đa dạng sinh học</p>
4 (3 tiết)	<p><i>CHƯƠNG 2: NHỮNG VẤN ĐỀ MÔI TRƯỜNG TOÀN CẦU VÀ MÔI TRƯỜNG BỨC XÚC Ở VIỆT NAM</i> (Tiếp theo)</p> <p>2.2. Những vấn đề môi trường bức xúc ở Việt Nam</p> <p>2.2.1. Biến đổi khí hậu</p> <p>2.2.2. Suy thoái đất</p> <p>2.2.3. Tài nguyên và môi trường nước</p> <p>2.2.4. Môi trường biển</p> <p>2.2.5. Tài nguyên rừng</p> <p>2.2.6. Đa dạng sinh học</p> <p>2.2.7. Môi trường đô thị</p> <p>2.2.8. Môi trường công nghiệp</p> <p>2.2.9. Môi trường nông thôn và nông nghiệp</p> <p>2.2.10. Sự cố môi trường</p>
5 (3 tiết)	<p><i>CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</i></p> <p>3.1. Khái niệm và nội dung phát triển bền vững</p> <p>3.1.1. Phát triển và phát triển không bền vững</p> <p>3.1.2. Khái niệm và yêu cầu của phát triển bền vững nguyên tắc của phát triển bền vững</p>
6	<i>CHƯƠNG 3: PHÁT TRIỂN VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</i>

(3 tiết)	<p>(Tiếp theo)</p> <p>3.2. Các mục tiêu của phát triển bền vững</p> <p>3.2.1. Hội nghị thượng đỉnh về môi trường và phát triển bền vững</p> <p>3.2.2. Sử dụng hợp lý tài nguyên và tính bền vững</p> <p>3.2.3. Duy trì đa dạng sinh học và tính bền vững</p> <p>3.2.4. Phương thức tiêu thụ trong phát triển bền vững</p> <p>3.2.5. Vai trò của khoa học công nghệ trong phát triển bền vững</p>
7 (2 tiết)	<p>Kiểm tra giữa kỳ</p>
8 (3 tiết)	<p><i>CHƯƠNG 4: NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</i></p> <p>4.1. Những thách thức chính trị</p> <p>4.2. Phát triển cục đọan</p> <p>4.3. Quan điểm môi trường cục đọan</p>
9 (3 tiết)	<p><i>CHƯƠNG 4: NHỮNG KHÓ KHĂN TRONG BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG</i></p> <p>(Tiếp theo)</p> <p>4.4. Tệ tham nhũng và lối sống tiêu thụ</p> <p>4.5. Bùng nổ dân số</p> <p>4.6. Mặt trái của khoa học công nghệ</p>
10 (3 tiết)	<p><i>CHƯƠNG 5 : ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM</i></p>
11 (3 tiết)	<p><i>CHƯƠNG 5 : ĐỊNH HƯỚNG CHIẾN LƯỢC BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG</i></p> <p>5.1. Mục tiêu bảo vệ môi trường đến năm 2010, định hướng đến năm 2020</p> <p>5.2. Kế hoạch phát triển bền vững ở Việt Nam</p>
12 (4 tiết)	<p><i>VÀ PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG Ở VIỆT NAM</i></p> <p>(Tiếp theo)</p> <p>5.3. Những Nguyên tắc cơ bản của phát triển bền vững ở Việt Nam</p> <p>5.4. Những thách thức cần vượt qua để phát triển bền vững</p>

7. Phương pháp đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá sử dụng)

Hình thức đánh giá	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
Chuyên cần	11 buổi	- Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp	Trong toàn bộ thời gian học môn học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1 bài	Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân: - Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4) - Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: + Hình thức trình bày đúng yêu cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	
Thi cuối kỳ	1 bài	Nội dung tập trung trong chương trình đào tạo của học phần	Kết thúc môn học và theo thông báo của	70%

			Nhà trường	
--	--	--	---------------	--

## 8. Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Trần Thị Kim Chung
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: tranthikimchung@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0914520899

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Phan thị Lệ Thủy
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: phanthilethuy@qnu.edu.vn

Điện thoại liên hệ: 0935292707

## 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.</li> <li>- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện</li> <li>- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.</li> </ul>
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> <li>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</li> </ul>

Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 3 tháng 8 năm 2017

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

*P.* TRƯỞNG KHOA

*Th.S. Trần Thị Kim Chung*

*Hoàng Quý Châu*  
HIỆU TRƯỞNG

*Ngô Anh Tuấn*



**PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ**





**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**  
**HỌC PHẦN: NHẬP MÔN CÔNG TÁC XÃ HỘI**  
**Mã học phần: 1100058**  
**Tên tiếng Anh: Import the social work**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Nhập môn công tác xã hội
- Mã học phần: 1100058      Số tín chỉ: 02
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết: Không
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 20 tiết
  - + Bài tập trên lớp: 5 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + thực hành, thực tập
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 55 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Khoa Tâm lý-Giáo dục & Công tác Xã hội

**2. Mô tả học phần:**

Nhập môn Công tác xã hội là một học phần bắt buộc trong đào tạo chuyên ngành Công tác xã hội. Học phần này trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và cần thiết về ngành Công tác xã hội như: Sự hình thành và phát triển ngành công tác xã hội; Cơ sở khoa học của công tác xã hội; Nhân viên công tác xã hội; Một số khái niệm và mô hình giải quyết trong công tác xã hội; công tác xã hội với các nhóm đặc thù... Thông qua học phần này, người học hiểu rõ người làm công tác xã hội cần có những kiến thức và kỹ năng gì, biết đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của quản trị trong Công tác xã hội.

**3. Mục tiêu của học phần:**

- Kiến thức: Giúp sinh viên hiểu khái niệm Công tác xã hội. Hiểu rõ cán bộ Công tác xã hội cũng cần có những kiến thức và kỹ năng làm **công tác xã hội**. Đặt con người lên hàng đầu là mục đích chính của Công tác xã hội. Học phần có thể đi khái quát về ngành công tác xã hội.

- Kỹ năng: Đặt câu hỏi, nghiên cứu, phân tích, suy luận, viết...

- Mức tự chủ và trách nhiệm: Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

**4. Chuẩn đầu ra của học phần**

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể:		Mức độ tự CDR
CDR 1	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Lý giải được được CTXH là một ngành học, một khoa học, một nghề chuyên môn đã hình thành khá lâu trên thế giới và ở Việt Nam;</li> <li>- Hiểu được định nghĩa, sứ mạng, mục đích, chức năng, giá trị ngành, đạo đức nghề nghiệp, các quan điểm cơ bản, các nguyên tắc hướng dẫn hành động của CTXH;</li> <li>- Vận dụng được các lý thuyết sử dụng trong Công tác xã hội (CTXH) để áp dụng trong thực hành nghề nghiệp</li> <li>- Nhận biết được một cách cơ bản các phương pháp CTXH và những phương pháp thực hành CTXH. Hiểu biết về các lĩnh vực xã hội có thể ứng dụng khoa học CTXH.</li> </ul>	3
CDR 2	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Xác định được các vấn đề chung về công tác xã hội và về các vấn đề công tác xã hội cụ thể;</li> <li>- Xây dựng phương án và lựa chọn các giải pháp để giải quyết các vấn đề về công tác xã hội;</li> <li>- Triển khai và lượng giá kết quả giải quyết các vấn đề về công tác xã hội.</li> </ul>	3
CDR 3	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nêu giả thuyết nghiên cứu trong công tác xã hội để có thể kiểm chứng trong thực tiễn;</li> <li>- Điều tra thử nghiệm các mô hình hỗ trợ thân chủ trong công tác xã hội.</li> </ul>	3
CDR 4	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức được vấn đề của thân chủ trong mối quan hệ tương tác với các hệ thống khác trong xã hội;</li> <li>- Có khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết CTXH để phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề của thân chủ trong mối quan hệ với các hệ thống có liên quan.</li> </ul>	3
CDR 5	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhận thức về sự quan trọng của việc học trọn đời và phát triển nghề nghiệp công tác xã hội;</li> <li>- Không ngừng rèn luyện năng lực nghề nghiệp công tác xã hội và những phẩm chất của nhân viên công tác xã hội;</li> <li>- Có kỹ năng linh hoạt trong nhận thức, kỹ năng phán đoán và ra quyết định, kỹ năng tư duy phản biện, kỹ năng trí tuệ cảm xúc;</li> <li>- Có khả năng truyền cảm hứng và giúp đỡ cho người khác khi học ngành công tác xã hội.</li> </ul>	3
CDR 6	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giúp người học có đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt giúp nắm rõ và biết cách vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trong quá trình thực hiện vai trò, nhiệm vụ của một nhà công tác xã hội chuyên nghiệp;</li> </ul>	3

	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có phẩm chất đạo đức xã hội để giúp người học thể hiện đạo đức xã hội thông qua những hoạt động công tác xã hội tại cộng đồng;</li> <li>- Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp;</li> <li>- Thể hiện sự công bằng, bình đẳng trong phục vụ thân chủ.</li> </ul>	
CĐR 7	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng thành lập nhóm, tổ chức nhóm, duy trì và hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm hiệu quả;</li> <li>- Có khả năng hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.</li> </ul>	3
CĐR 8	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Có khả năng tổ chức, thực hiện các tình huống giao tiếp;</li> <li>- Có khả năng sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp; khả năng viết văn bản mạch lạc, trôi chảy, đúng chính tả với nhiều loại văn bản khác nhau;</li> <li>- Có khả năng chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng và có tổ chức tốt;</li> <li>- Có khả năng tra cứu thông tin, tài liệu trên mạng liên quan đến tới lĩnh vực việc làm như biết các trang web có nhiều thông tin, biết sử dụng từ khóa trong việc tìm kiếm tài liệu khoa học, biết sử dụng những phần mềm để đọc và download tài liệu.</li> </ul>	3

#### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Bùi Thị Xuân, Giáo trình nhập môn công tác xã hội, Nxb. Lao động – Xã hội, 2010
Tài liệu tham khảo thêm:	Đình Anh Tuấn, Nhập môn công tác xã hội, Trường đại học Quy Nhơn, 2015
Các loại học liệu khác:	[phần mềm, cơ sở dữ liệu, trang web]

#### 6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung
1 (2 tiết)	CHƯƠNG I: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI I. Giai đoạn tiền khoa học (Trước thế kỷ XX) II. Giai đoạn khoa học (Bắt đầu từ thế kỷ XX)
2 (2 tiết)	CHƯƠNG I: SỰ HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI I. Giai đoạn tiền khoa học (Trước thế kỷ XX) II. Giai đoạn khoa học (Bắt đầu từ thế kỷ XX)
3 (2 tiết)	Chương II: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI I. Khái niệm Công tác xã hội II. Đối tượng và chủ thể của công tác xã hội 1. Đối tượng nghiên cứu của Công tác xã hội.

	<p>2. Đối tượng cần sự trợ giúp và tác động của Công tác xã hội.</p> <p>3. Chủ thể của Công tác xã hội:</p>
<p>4 (2 tiết)</p>	<p>Chương II: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI (Tiếp theo)</p> <p>III. Các chức năng của công tác xã hội</p> <p>1- Chức năng chữa trị ( chức năng trị liệu):</p> <p>2- Chức năng phòng ngừa:</p> <p>3- Chức năng phục hồi:</p> <p>4- Chức năng phát triển:</p>
<p>5 (2 tiết)</p>	<p>Chương II: CƠ SỞ KHOA HỌC CỦA CÔNG TÁC XÃ HỘI (Tiếp theo)</p> <p>IV. Các nguyên tắc hoạt động của công tác xã hội:</p> <p>1- Cá nhân là mối quan tâm hàng đầu của toàn xã hội.</p> <p>2- Giữa cá nhân và xã hội có mối quan hệ tác động lẫn nhau.</p> <p>3- Cá nhân và xã hội phải có trách nhiệm, nghĩa vụ đối với nhau.</p> <p>4- Con người có những nhu cầu giống nhau nhưng mỗi cá nhân là một cái riêng độc đáo, không giống với những cá nhân khác trong xã hội.</p> <p>5- Mỗi cá nhân cần được phát huy mọi khả năng vốn có và được tạo điều kiện, để thể hiện trách nhiệm của mình đối với xã hội thông qua việc thực hiện các vai trò cụ thể.</p> <p>6- Phát huy năng lực vốn có.</p> <p>7- Xã hội có trách nhiệm tạo mọi điều kiện thuận lợi để cá nhân phát huy những khả năng của mình để phát triển:</p> <p>V. Quy điều đạo đức trong công tác xã hội</p>
<p>6 (2 tiết)</p>	<p>Kiểm tra giữa kỳ</p>
<p>7 (2 tiết)</p>	<p>Chương III: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI</p> <p>I. Mối quan hệ giữa nhân viên công tác xã hội và đối tượng:</p> <p>1. Khái niệm:</p> <p>2. Mối quan hệ giữa nhân viên công tác xã hội và đối tượng:</p>
<p>8 (2 tiết)</p>	<p>Chương III: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI (Tiếp theo)</p> <p>II. Vai trò của nhân viên công tác xã hội:</p> <p>1- Vai trò môi giới:</p> <p>2- Vai trò người hỗ trợ:</p> <p>3- Vai trò người giáo dục:</p>

	<p>4- Vai trò người biện hộ: 5- Vai trò người trung gian:</p>
9 (2 tiết)	<p>Chương III: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI (Tiếp theo) III. Nguyên tắc hoạt động của nhân viên công tác xã hội: 1- Nguyên tắc chấp nhận đối tượng: 2- Tôn trọng quyền tự quyết của đối tượng: 3- Nguyên tắc cá biệt hoá: 4- Nguyên tắc bí mật: 5- Nguyên tắc ý thức về chính mình (tự ý thức): 6- Nguyên tắc bình đẳng:</p>
10 (2 tiết)	<p>Chương III: NHÂN VIÊN CÔNG TÁC XÃ HỘI (Tiếp theo) IV. Những yêu cầu đối với nhân viên công tác xã hội: 1- Kiến thức: 2- Ý thức thái độ trong công việc: 3- Kỹ năng hoạt động nghề nghiệp:</p>
11 (2 tiết)	<p>Chương IV: MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ MÔ HÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI I. Một số khái niệm 1. Hành vi thuận xã hội 2. Cá nhân và xã hội 3. Nhóm yếu thế: 4. Trợ giúp xã hội 5. Bảo vệ xã hội 6. Hỗ trợ xã hội 7. Nhu cầu</p>
12 (2 tiết)	<p>Chương IV: MỘT SỐ KHÁI NIỆM VÀ MÔ HÌNH GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ TRONG CÔNG TÁC XÃ HỘI (tiếp theo) II. Mô hình giải quyết vấn đề trong công tác xã hội 1- Nhận diện vấn đề: 2- Chẩn đoán vấn đề: 3- Kế hoạch trị liệu: 4- Lượng giá: III. Các phương pháp công tác xã hội: 1- Công tác xã hội với cá nhân.</p>

	<p>2- Công tác xã hội với nhóm.</p> <p>3- Công tác phát triển cộng đồng.</p>
<p>13, 14, 15 ( 6 tiết)</p>	<p>Chương V: CÔNG TÁC XÃ HỘI VỚI CÁC NHÓM ĐẶC THÙ 4 tiết LT, 2 tiết BT, 2 tiết TL</p> <p>I. Công tác xã hội với người khuyết tật</p> <p>1. Khái niệm và các nhóm khuyết tật:</p> <p>2. Bảo vệ người khuyết tật về mặt y tế, xã hội:</p> <p>II. Công tác xã hội với trẻ em</p> <p>1. Một số vấn đề tồn tại trong cuộc sống của trẻ em</p> <p>2. Trẻ em thuộc nhóm đối tượng của công tác xã hội</p> <p>3. Nhu cầu cơ bản chung của trẻ em</p> <p>III. Công tác xã hội với người cao tuổi</p> <p>1. Một số đặc điểm xã hội của người cao tuổi</p> <p>2. Nhu cầu cơ bản của người cao tuổi</p> <p>3. Những dịch vụ xã hội đối với người cao tuổi</p>

**7. Phương pháp đánh giá** (Mô tả các phương pháp đánh giá sử dụng)

Hình thức đánh giá	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
Chuyên cần	14 buổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp</li> <li>- Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần</li> </ul>	Trong toàn bộ thời gian học môn học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1 bài	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4)</li> <li>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra: <ul style="list-style-type: none"> <li>+ Hình thức trình bày đúng yêu cầu</li> <li>+ Nội dung đúng yêu cầu</li> <li>+ Không sao chép dưới mọi hình thức</li> <li>+ Nộp bài đúng thời gian quy định</li> </ul> </li> </ul>	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	

Thi cuối kỳ	1 bài	Nội dung tập trung trong chương trình đào tạo của học phần	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	70%
-------------	-------	--	---	-----

## 8. Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: anhtuanctxh@yahoo.com Điện thoại liên hệ: 0914046673

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: nguyenvannga@qnu.edu Điện thoại liên hệ: 0977199812

## 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.</li> <li>- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện</li> <li>- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.</li> </ul>
Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> </ul>



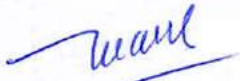
	- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 4 tháng 8 năm 2017

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN

TRƯỞNG BỘ MÔN

TRƯỞNG KHOA





TS. Đinh Anh Tuấn

ThS. Phan Thị Kim Dung

TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG



PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC QUY NHƠN CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Khoa: TL-GD &CTXH**

**Độc lập – Tự do- Hạnh phúc**

**ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT**

**HỌC PHẦN: LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI**

**Mã học phần: 1100222**

**Tên tiếng Anh: Social work theory**

**1. Thông tin chung về học phần:**

- Tên học phần: Lý thuyết công tác xã hội
- Mã học phần: 1100222                      Số tín chỉ: 03
- Loại học phần: Bắt buộc
- Các học phần tiên quyết : Không
- Các yêu cầu khác về học phần (nếu có):
- Phân giờ tín chỉ đối với các hoạt động:
  - + Nghe giảng lí thuyết: 30 tiết
  - + Làm bài tập trên lớp: 10 tiết
  - + Thảo luận: 10 tiết
  - + Thực hành, thực tập:
  - + Hoạt động theo nhóm:
  - + Tự học: 85 giờ
- Khoa/ Bộ môn phụ trách: Tâm lý-Giáo dục và Công tác xã hội

**2. Mô tả học phần:**

Học phần trang bị cho sinh viên những lý thuyết CTXH và một số lý thuyết của một số chuyên ngành khoa học có liên quan có thể áp dụng trong thực hành công tác xã hội. Đây là học phần bắt buộc trong khối kiến thức ngành dành cho sinh viên chuyên ngành

công tác xã hội, thông qua học phần sinh viên được tiếp cận với những quy trình can thiệp trong công tác xã hội để ứng dụng vào thực tiễn nghề nghiệp. Nội dung của học phần gồm khái quát chung về lý thuyết CTXH; Một số lý thuyết CTXH cá nhân, gia đình, nhóm và PTCD; các lý thuyết hệ thống và môi sinh. Đây là học phần có mối quan hệ chặt chẽ với nhập môn CTXH; CTXH với cá nhân.

### 3. Mục tiêu của học phần:

- Về kiến thức: Giảng dạy cho sinh viên ngành chuyên ngành công tác xã hội. Truyền thụ cho người học những nội dung kiến thức chung nhất và cơ bản về lý thuyết cũng như thực hành nghề công tác xã hội- một ngành nghề trong hệ thống các Khoa học xã hội.

- Về kỹ năng: Rèn luyện kỹ năng tư duy, phân tích các chức năng xã hội của ngành, nghề. Trang bị cho người học một số nội dung cơ bản về phương pháp nghiên cứu chung và các phương pháp riêng mang tính đặc thù của công tác xã hội. Trên cơ sở đó người học có thể vận dụng một số phương pháp và kỹ năng cơ bản làm việc theo nhóm trong thực hành công tác xã hội hướng đến phân tích, lựa chọn cách giải quyết một vấn đề xã hội liên quan đến đời sống của cá nhân, nhóm, cộng đồng xã hội.

- Mức tự chủ và trách nhiệm:

Có khả năng làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong nhiều môi trường khác nhau; chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm với nhóm về các lý thuyết CTXH; Có khả năng tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn, chịu trách nhiệm với các kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.

### 4. Chuẩn đầu ra của học phần

Sau khi hoàn thành học phần sinh viên có thể:		Mức độ tự CDR
CDR 1	Hiểu được các kiến thức nền tảng về lý thuyết và lý thuyết công tác xã hội để có thể vận dụng giải quyết được các vấn đề của thân chủ	3
CDR 2	- Vận dụng được những kiến thức về lý thuyết CTXH để xác định các vấn đề thực tế trong lĩnh vực CTXH; - Áp dụng được các lý thuyết CTXH để giải quyết các vấn đề về công tác xã hội;	3

	- Triển khai và lượng giá kết quả giải quyết các vấn đề về công tác xã hội.	
CĐR 3	- Nêu giả thuyết nghiên cứu trong công tác xã hội để có thể kiểm chứng trong thực tiễn; - Điều tra thử nghiệm các mô hình lý thuyết trong hỗ trợ thân chủ trong công tác xã hội; - Kiểm tra và kết luận giả thuyết nghiên cứu trong công tác xã hội.	3
CĐR 4	- Nhận thức được vấn đề của thân chủ trong mối quan hệ tương tác với các hệ thống khác trong xã hội; - Có khả năng vận dụng kiến thức lý thuyết CTXH để phát hiện, phân tích và giải quyết vấn đề của thân chủ trong mối quan hệ với các hệ thống có liên quan.	3
CĐR 5	- Nhận thức được tầm quan trọng của lý thuyết CTXH trong phát triển nghề nghiệp CTXH; - Có kỹ năng linh hoạt trong nhận thức, kỹ năng phán đoán và ra quyết định, kỹ năng tư duy phân biện, kỹ năng trí tuệ cảm xúc trong giải quyết vấn đề của thân chủ; - Có khả năng truyền cảm hứng và giúp đỡ thân chủ khi học các lý thuyết về CTXH;	3
CĐR 6	- Có phẩm chất đạo đức nghề nghiệp để giúp người học có đạo đức nghề nghiệp, đặc biệt giúp nắm rõ và biết cách vận dụng phù hợp các quy điều đạo đức nghề công tác xã hội trong quá trình thực hiện vai trò, nhiệm vụ của một nhà công tác xã hội chuyên nghiệp; - Có phẩm chất đạo đức xã hội để giúp người học thể hiện đạo đức xã hội thông qua những hoạt động công tác xã hội tại cộng đồng; - Có thái độ và đạo đức nghề nghiệp đúng đắn; có ý thức kỷ luật và tác phong chuyên nghiệp; - Thể hiện sự công bằng, bình đẳng trong phục vụ thân chủ.	3
CĐR 7	- Có khả năng thành lập nhóm, tổ chức nhóm, duy trì và hoạt động nhóm, lãnh đạo nhóm hiệu quả; - Có khả năng hợp tác, lắng nghe và chia sẻ với các thành viên khác trong nhóm.	3
CĐR 8	- Có khả năng tổ chức, thực hiện các tình huống giao tiếp;	3

	<p>- Có khả năng sử dụng ngôn ngữ súc tích, chính xác trong giao tiếp; khả năng viết văn bản mạch lạc, trôi chảy, đúng chính tả với nhiều loại văn bản khác nhau;</p> <p>- Có khả năng chuẩn bị và trình bày các thuyết trình một cách rõ ràng và có tổ chức tốt.</p>	
--	---	--

### 5. Tài liệu phục vụ môn học

Giáo trình chính:	Trần Đình Tuấn, Công tác xã hội: Lý thuyết và Thực hành, NXB. Đại học Quốc gia Hà Nội, 2010
Tài liệu tham khảo thêm:	Nguyễn Văn Nga, Lý thuyết công tác xã hội, Đại học Quy Nhơn, 2015
Các loại học liệu khác:	

### 6. Kế hoạch giảng dạy chi tiết

Buổi học	Nội dung
<b>PHẦN A: KHÁI QUÁT VỀ LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI</b>	
Buổi 1 (3 tiết)	<p><b>Chương I: Lý thuyết và lý thuyết công tác xã hội</b></p> <p>1. Lý thuyết là gì?</p> <p>2. Lý thuyết công tác xã hội</p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Phân loại lý thuyết công tác xã hội</p> <p>2.3. Mối quan hệ giữa lý thuyết công tác xã hội với thực hành</p> <p><b>Thảo luận (1 tiết)</b></p>
<b>PHẦN B: LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI TRUYỀN THÔNG (Công tác xã hội với cá nhân, với gia đình và với nhóm)</b>	
Buổi 2 (3 tiết)	<p><b>Chương II: Một số lý thuyết tâm lý</b></p> <p><b>1. Lý thuyết gắn bó</b></p> <p>1.1. Khái niệm gắn bó</p> <p>1.2. Nội dung quan điểm lý thuyết gắn bó</p> <p>1.3. Ứng dụng lý thuyết trong thực hành công tác xã hội</p> <p><b>Bài tập (2 tiết)</b></p>
Buổi 3 (3 tiết)	<p><b>Chương II: Một số lý thuyết tâm lý</b></p> <p><b>2. Lý thuyết nhân cách của Sigmund Freud</b></p> <p>2.1. Mô hình cấu trúc nhân cách</p> <p>2.2. Các giai đoạn phát triển nhân cách</p>

	<p>2.3. Vô thức và ý nghĩa của giấc mộng</p> <p>2.4. Một số kỹ thuật trị liệu được áp dụng trong CTXH</p> <p><b>Thảo luận (1 tiết)</b></p>
Buổi 4 (3 tiết)	<p><b>Chương II: Một số lý thuyết tâm lý</b></p> <p><b>2. Lý thuyết nhân cách của Sigmund Freud (Tiếp theo)</b></p> <p>2.1. Mô hình cấu trúc nhân cách</p> <p>2.2. Các giai đoạn phát triển nhân cách</p> <p>2.3. Vô thức và ý nghĩa của giấc mộng</p> <p>2.4. Một số kỹ thuật trị liệu được áp dụng trong CTXH</p> <p><b>Bài tập (2 tiết)</b></p>
Buổi 5 (3 tiết)	<p><b>Chương III: Quan điểm nhân văn, sinh tồn và tâm linh</b></p> <p><b>1. Nội dung các quan điểm về lý thuyết nhân văn, sinh tồn và tâm linh</b></p> <p><b>1.1. Quan điểm về Lý thuyết nhân văn</b></p> <p>1.1.1 Nội dung quan điểm về lý thuyết</p> <p>1.1.2. Ứng dụng lý thuyết nhân văn trong thực hành công tác xã hội</p> <p><b>2. Một số trường phái lý thuyết ảnh hưởng đến công tác xã hội</b></p> <p>2.1. Thuyết thân chủ trọng tâm của Carl Rogers và ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân</p> <p><b>Thảo luận (1 tiết)</b></p>
Buổi 6 (3 tiết)	<p><b>Chương III: Quan điểm nhân văn, sinh tồn và tâm linh (TT)</b></p> <p>2.2. CTXH nhóm dựa trên lý thuyết nhân văn của Glassman &amp; Kate</p> <p>2.3. Thực hành lý thuyết sinh tồn và công tác xã hội (Thompson 1992)</p> <p>2.4. Thuyết nhu cầu của Maslow và ứng dụng trong công tác xã hội cá nhân</p> <p><b>Bài tập (2 tiết)</b></p>
Buổi 7 (3 tiết)	<p><b>Chương IV: Lý thuyết khủng hoảng và mô hình tập trung vào giải pháp</b></p> <p><b>1. Lý thuyết khủng hoảng và can thiệp khủng hoảng</b></p> <p><b>1.1. Lý thuyết khủng hoảng</b></p> <p>1.1.1. Khái niệm khủng hoảng</p> <p>1.1.2. Đặc tính của khủng hoảng</p> <p>1.1.3. Phân loại khủng hoảng</p> <p><b>1.2. Can thiệp khủng hoảng</b></p> <p>1.2.1. Khái niệm can thiệp khủng hoảng</p> <p>1.2.2. Mục tiêu của can thiệp khủng hoảng</p> <p>1.2.3. Tiến trình can thiệp khủng hoảng dưới góc độ CTXH</p> <p><b>Thảo luận (1 tiết)</b></p>
Buổi 8 (3 tiết)	<p><b>Chương IV: Lý thuyết khủng hoảng và mô hình tập trung vào giải pháp (TT)</b></p> <p><b>2. Mô hình tập trung vào giải pháp</b></p> <p>2.1. Khái niệm</p> <p>2.2. Mục tiêu và nhiệm vụ</p> <p>2.3. Tiến trình can thiệp tập trung vào giải pháp dưới góc độ công tác xã hội</p> <p>2. 3.1. Bước xác định các vấn đề đích</p>

	<p>2.3.2. Bước đánh giá</p> <p>2.3.3. Bước lựa chọn vấn đề cần giải quyết</p> <p>2.3.4. Bước thỏa thuận hợp đồng</p> <p>2.3.5. Bước lập kế hoạch nhiệm vụ</p> <p>2.3.6. Bước thực hiện nhiệm vụ</p> <p>2.3.7. Bước kết thúc</p> <p><b>Bài tập (1 tiết)</b></p>
Buổi 9 (3 tiết)	<p><b>Chương V: Lý thuyết nhận thức và hành vi</b></p> <p><b>1. Lý thuyết nhận thức</b></p> <p>1.1. Khái niệm nhận thức</p> <p>1.2. Quan điểm về lý thuyết</p> <p>1.3. Ứng dụng lý thuyết nhận thức trong thực hành CTXH</p> <p>1.3.1. Thay đổi tri thức/cognitive restructuring</p> <p>1.3.2. Ứng phó tri thức/cognitive coping</p> <p>1.3.3. Huấn luyện về phương pháp giải quyết khó khăn</p> <p>Thảo luận (2 tiết)</p>
Buổi 10 (2 tiết)	<p><b>Kiểm tra giữa kỳ</b></p>
Buổi 11 (3 tiết)	<p><b>Chương V: Lý thuyết nhận thức và hành vi (tt)</b></p> <p><b>2. Lý thuyết hành vi</b></p> <p>2.1. Khái niệm hành vi</p> <p>2.2. Quan điểm về lý thuyết</p> <p>2.3. Ứng dụng lý thuyết hành vi trong thực hành công tác xã hội cá nhân</p> <p><b>3. Ứng dụng thuyết trị liệu nhận thức hành vi của Sheldon trong công tác xã hội</b></p> <p>3.1. Thiết lập hành vi mới</p> <p>3.2. Củng cố hành vi mới</p> <p>3.3. Đánh giá được thực hiện</p> <p><b>Thảo luận (2 tiết)</b></p>
Buổi 12 (3 tiết)	<p><b>Chương VI: Lý thuyết vai trò và hành động xã hội</b></p> <p>5.1. Khái niệm vai trò</p> <p>5.2. Nội dung lý thuyết vai trò</p> <p>5.3. Ứng dụng lý thuyết vai trò trong thực hành CTXH</p> <p><b>Thảo luận (2 tiết)</b></p>
<b>PHẦN C: MỘT SỐ LÝ THUYẾT CÔNG TÁC XÃ HỘI MÔI TRƯỜNG</b>	
Buổi 13 (3 tiết)	<p><b>Chương VII: Lý thuyết hệ thống và sinh thái</b></p> <p><b>1. Lý thuyết hệ thống</b></p> <p>1.1. Lịch sử ra đời lý thuyết hệ thống</p> <p>1.2. Khái niệm hệ thống</p> <p>1.3. Phân loại hệ thống và hệ thống trong công tác xã hội</p> <p>1.4. Đặc tính của hệ thống</p>
Buổi 14	<p><b>Chương VI: Lý thuyết hệ thống và sinh thái (TT)</b></p>

(3 tiết)	<p>1.5. Ứng dụng lý thuyết hệ thống theo quan điểm Pincus và Minahan vào thực hành công tác xã hội</p> <p>1.5.1. Lượng giá vấn đề</p> <p>1.5.2. Thu thập dữ liệu</p> <p>1.5.3. Tiến hành tiếp xúc ban đầu</p> <p>1.5.4. Thoả thuận về các hợp đồng</p> <p>1.5.5. Hình thành các hệ thống hành động</p> <p>1.5.6. Duy trì và phối hợp các hệ thống hành động</p> <p>1.5.7. Tạo ảnh hưởng về các hệ thống hành động</p> <p>1.5.8. Kết thúc những nỗ lực tạo thay đổi (lượng giá)</p> <p>Bài tập (1 tiết)</p>
Buổi 15 (4 tiết)	<p><b>2. Lý thuyết hệ thống sinh thái</b></p> <p>2.1. Một số khái niệm có liên quan</p> <p>2.2. Quan điểm chung về lý thuyết</p> <p>2.3. Mô hình về đời sống của con người trong môi trường xã hội</p> <p>2.4. Ứng dụng lý thuyết trong thực hành công tác xã hội</p> <p>2.4.1. Giai đoạn khởi động</p> <p>2.4.2. Gian đoạn triển khai</p> <p>2.4.3. Gian đoạn kết thúc</p> <p><b>Ôn tập kết thúc môn học</b></p>

**7. Phương pháp đánh giá (Mô tả các phương pháp đánh giá sử dụng)**

Hình thức đánh giá	Số lượng	Nội dung	Thời điểm	Trọng số
Chuyên cần	14 buổi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chủ động trong xây phát biểu, tích cực phát biểu, thảo luận, đóng vai, tương tác tích cực với các thành viên trong lớp</li> <li>- Sinh viên nghỉ học trên 20% số tiết của học phần thì phải nhận điểm 0 về chuyên cần</li> </ul>	Trong toàn bộ thời gian học môn học	10%
Đánh giá quá trình				20%
Kiểm tra giữa kỳ	1 bài	<p>Sinh viên làm 1 bài kiểm tra cá nhân:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Hình thức: thi viết (bài viết thực hiện trên giấy A4)</li> <li>- Tiêu chí đánh giá bài kiểm tra:</li> <li>+ Hình thức trình bày đúng yêu</li> </ul>	Từ buổi 6 đến buổi thứ 9	



		cầu + Nội dung đúng yêu cầu + Không sao chép dưới mọi hình thức + Nộp bài đúng thời gian quy định		
Thi cuối kỳ	1 bài	Nội dung tập trung từ chương thứ hai đến chương 6 trong chương trình học	Kết thúc môn học và theo thông báo của Nhà trường	70%

## 8. Thông tin về giảng viên

### 8.1. Giảng viên 1

- Họ và tên: Nguyễn Văn Nga
- Chức danh, học hàm, học vị: Thạc sĩ
- Email: [nguyenvannga@qnu.edu.vn](mailto:nguyenvannga@qnu.edu.vn) Điện thoại liên hệ: 0977199812

### 8.2. Giảng viên 2

- Họ và tên: Đinh Anh Tuấn
- Chức danh, học hàm, học vị: Tiến sĩ
- Email: [anhtuanctxh@yahoo.com](mailto:anhtuanctxh@yahoo.com) Điện thoại liên hệ: 0914046673

## 9. Quy định chung

Cam kết của giảng viên	Thực hiện đúng kế hoạch giảng dạy theo sự phân công của đơn vị
Yêu cầu đối với sinh viên	Tham gia học tập đầy đủ số tiết quy định; học tập nghiêm túc và thực hiện tốt các yêu cầu của giảng viên
Quy định về tham dự lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Sinh viên có trách nhiệm tham gia đầy đủ các buổi học. Trừ trường hợp gia đình có công việc khẩn cấp phải có xin phép từ gia đình hoặc nằm viện có giấy ra viện.</li> <li>- Thực hiện đầy đủ các bài tập nhóm/ bài tập tự học và được đánh giá kết quả thực hiện</li> <li>- Chủ động tổ chức thực hiện giờ tự học.</li> </ul>

Quy định về hành vi trong lớp học	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Môn học được thực hiện trên nguyên tắc tôn trọng người học và người dạy. Mọi hành vi làm ảnh hưởng đến quá trình dạy và học đều bị nghiêm cấm.</li> <li>- Sinh viên phải đi học đúng giờ qui định. Sinh viên đi trễ quá 5 phút sau khi giờ học bắt đầu sẽ không được tham dự buổi học.</li> <li>- Tuyệt đối không làm ồn, gây ảnh hưởng đến người khác trong quá trình học.</li> <li>- Tuyệt đối không được ăn uống, nhai kẹo cao su, sử dụng các thiết bị như điện thoại, máy nghe nhạc trong giờ học.</li> <li>- Máy tính xách tay, máy tính bảng chỉ được sử dụng cho mục đích ghi chép bài giảng, tính toán phục vụ bài giảng, bài tập; tuyệt đối không dùng vào việc khác.</li> <li>- Sinh viên vi phạm các qui định trên sẽ bị mời ra khỏi lớp và bị coi là vắng buổi học đó.</li> </ul>
Quy định về học vụ	Các vấn đề liên quan đến xin bảo lưu, xin học trả nợ môn, khiếu nại điểm, chấm phúc tra, kỷ luật thi cử được thực hiện theo quy chế học vụ của trường Đại học Quy Nhơn
Các quy định khác	

Bình Định, ngày 5 tháng 8 năm 2017

GIẢNG VIÊN BIÊN SOẠN



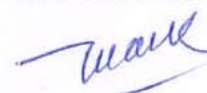
ThS. Nguyễn Văn Nga

TRƯỞNG BỘ MÔN



ThS. Phan Thị Kim Dung

TRƯỞNG KHOA



TS. Đinh Anh Tuấn

HIỆU TRƯỞNG




PGS.TS. Đỗ Ngọc Mỹ